

HOÀNG VĂN GIAO

***TÀI LIỆU***

***BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁO VIÊN THCS  
GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ  
CHẤT GÂY NGHIỆN Ở TRƯỜNG THCS***

**NỘI DUNG BỒI DƯỠNG 2**

## LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện Thông tư số 30/2011/TT-BGDĐT ngày 08/8/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên trung học phổ thông; Thông tư số 31/2011/TT-BGDĐT ngày 08/8/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên THCS; Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT ngày 10/7/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa biên soạn tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên THCS “Giáo dục phòng chống ma túy và chất gây nghiện ở trường THCS”.

Tài liệu bồi dưỡng giáo viên được biên soạn gồm 7 bài, thời lượng là 30 tiết. Mỗi bài có cấu trúc gồm ba phần:

### A. Mục tiêu

1. Kiến thức
2. Kỹ năng
3. Thái độ

### B. Nội dung

C. Câu hỏi tự đánh giá kèm theo thông tin phản hồi giúp giáo viên học tập tích cực và tự đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Do nhu cầu cấp thiết của việc bồi dưỡng giáo viên, tài liệu không tránh khỏi những sai sót, Phòng GDTrH Sở Giáo dục và Đào tạo rất mong nhận được nhiều ý kiến góp ý của đông đảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý để tiếp tục hoàn thiện tài liệu này.

Xin trân trọng cảm ơn!

## MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	4
<b>Bài 1.</b> Một số hiểu biết chung về ma túy và chất gây nghiện	7
<b>Bài 2.</b> Tình hình tệ nạn ma túy trên thế giới và ở Việt Nam và sự cần thiết phải giáo dục PCMT và CGN cho học sinh	40
<b>Bài 3.</b> Lạm dụng ma túy và chất gây nghiện, nghiện ma túy	49
<b>Bài 4.</b> Nguyên nhân và tác hại của việc lạm dụng, nghiện ma túy và chất gây nghiện	58
<b>Bài 5.</b> Một số quy định pháp chế và giáo dục phòng chống ma túy trong trường học	62
<b>Bài 6.</b> Giáo dục phòng chống ma túy và chất gây nghiện trong trường THCS	85
<b>Bài 7.</b> Kế hoạch giáo dục phòng chống ma túy trong trường THCS giai đoạn 2010- 2015 định hướng đến năm 2020	95
Tài liệu tham khảo	

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

Trong tài liệu này có thể sử dụng các từ và cụm từ viết tắt thể hiện ở bảng dưới đây:

<b>Viết tắt</b>	<b>Viết đầy đủ</b>
Bộ GD-ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Sở GD-ĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo
MT, CGN	Ma túy, chất gây nghiện
GDPCMT	Giáo dục phòng chống ma túy
SGK	Sách giáo khoa
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
GDTTrH	Giáo dục Trung học

# **BÀI 1**

## **MỘT SỐ HIỂU BIẾT CHUNG VỀ MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN**

---

**Số tiết :** 5 (3 LT, 2 TL)

### **A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

*Sau khi học xong bài này, học viên cần đạt được các mục tiêu sau:*

#### **I. Kiến thức**

- Trình bày được các khái niệm ma túy và các chất gây nghiện (CGN), cách phân loại và đặc điểm của chúng.
- Nêu được nguồn gốc và tác động của một số ma túy và CGN thường gặp.
- Nêu được danh mục các chất ma túy và tiền chất ma túy theo qui định của Công ước Quốc tế về kiểm soát ma túy.

#### **II. Kỹ năng**

- Phân biệt tên và đặc điểm của một số ma túy và CGN thường gặp.
- Thận trọng, không lạm dụng thuốc có chứa ma túy và các CGN khác.

#### **III. Thái độ**

Tích cực tham gia các hoạt động truyền thông, giáo dục về phòng chống ma túy và CGN.

### **B. CÁC PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ DẠY VÀ HỌC**

1. Bảng danh mục các chất ma túy và CGN.
2. Thông tin hỗ trợ.
3. Tranh ảnh minh họa, băng hình, vật mẫu (nếu có)...

4. Các văn bản về giáo dục phòng chống ma túy (PCMT) của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **C. NỘI DUNG**

### ***Nội dung chính:***

- Một số khái niệm chung về ma túy và chất gây nghiện.
- Phân loại ma túy.
- Đặc điểm chung của ma túy.
- Nhận dạng ma túy và chất gây nghiện.

## **I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CHUNG VỀ MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN**

Loài người đã biết đến ma túy từ hàng ngàn năm nay. Ma túy từng bước gắn với những tên gọi mỹ miều trước khi bị lên án và loại ra khỏi đời sống xã hội. Khi loài người muốn thay thế một chất ma túy bằng một chất mới thì dường như chất mới đó lại mang đến nhiều phiền toái hơn.

“Ma túy là bất kỳ một chất nào mà khi đưa vào cơ thể người nó làm thay đổi trạng thái ý thức và hành vi như là kết quả biến đổi trong chức năng của não” (Tổ chức Y tế thế giới năm 1988).

Ma túy là các chất hóa học có nguồn gốc tự nhiên hoặc nhân tạo khi thâm nhập vào cơ thể người sẽ làm thay đổi tâm trạng, ý thức và trí tuệ của con người. Ma túy làm cho con người bị lệ thuộc vào các chất đó, gây nên những tổn thương cho từng cá nhân và cộng đồng.

“Ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành” (Luật phòng, chống ma túy).

Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

Chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

“Tiền chất là các hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất ma túy, được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành”.

Theo định nghĩa trên, một số CGN như cà phê, bia, rượu, thuốc lá là CGN nhưng không phải là ma túy. Tuy nhiên, người sử dụng các CGN rất dễ nghiện ma túy, mặt khác lạm dụng CGN cũng rất có hại cho sức khỏe, nhất là đối với trẻ em. Do đó, khi giáo dục về phòng chống ma túy cho học sinh cần phải giáo dục các em không lạm dụng các CGN.

## **II. PHÂN LOẠI MA TÚY**

### ***1. Theo nguồn gốc, ma túy được làm 4 nhóm***

- Nhóm ma túy được chiết xuất từ cây thuốc phiện (cây anh túc), sản phẩm của nó là: nhựa thuốc phiện, morphin, heroin.

- Nhóm ma túy được chiết xuất từ cây cô ca, sản phẩm của nó là cocain.

- Nhóm ma túy được chiết xuất từ cây cần sa (cây gai dầu, lanh mèo), sản phẩm của nó là nhựa, dầu, lá và thân cây cần sa.

- Nhóm ma túy được sản xuất từ các tiền chất và hóa chất cơ bản tham gia vào quá trình sản xuất và điều chế chất ma túy.

### ***2. Theo tác động lên hệ thần kinh, gồm 3 nhóm***

- Các chất ma túy gây ức chế thần kinh: các thuốc giảm đau thuộc nhóm opiat bao gồm: opium (thuốc phiện), morphin, codein, heroin, dolargan, methadon và các loại thuốc như: seduxen, barbiturat.

- Các chất kích thích thần kinh: cocain, amphetamin, methamphetamin, ecstasy.

- Các chất gây ảo giác: cần sa, mescaline, psilocybin, LSD,...

### ***3. Theo quy định của pháp luật, gồm có hai loại***

- Ma túy hợp pháp.

- Ma túy bất hợp pháp.

Ở Việt Nam, Nghị định 67/2001/NĐ-CP ban hành ngày 1/10/2001 quy định có 249 chất ma túy và tiền chất cần kiểm soát, được chia làm 4 danh mục: danh mục I gồm 47 chất là những chất ma túy rất độc, tuyệt đối cấm sử dụng; danh mục II gồm 112 chất ma túy độc hại, được dùng trong phân tích,

kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm; danh mục III gồm 68 chất là chất độc dược, được dùng trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo yêu cầu điều trị; danh mục IV gồm 22 hóa chất không thể thiếu trong quá trình điều chế, sản xuất ma túy. nghị định số 17/2011/ND-CP bổ sung thêm 5 chất ma túy mới, đưa tổng số các chất ma túy cần kiểm soát lên tới 254 chất.

### **III. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA MA TÚY**

Mặc dù có tác động khác nhau đến hệ thần kinh, nhưng tất cả các chất trên đều có đặc điểm chung là thường gây cho người sử dụng những biểu hiện sau:

- Có sự ham muốn không kìm chế được và phải sử dụng chúng bằng mọi giá.

- Có khuynh hướng tăng dần liều dùng, liều sau phải cao hơn liều trước. Nếu tăng liều dùng, tăng thời gian sử dụng sẽ dẫn đến nghiện.

- Người nghiện bị lệ thuộc về tinh thần và thể chất, khi thiếu thuốc hoặc ngừng sử dụng sẽ có biểu hiện của hội chứng cai nghiện, làm cơ thể có những phản ứng bất lợi, thậm chí có thể đe dọa đến tính mạng.

Như vậy, tất cả các ma túy đều gây nghiện. Tuy nhiên, có một số CGN nhưng không bị coi là ma túy như: rượu, bia, thuốc lá, thuốc lào, cà phê, chè, coca cola...

### **IV. NHẬN DẠNG MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN**

#### **1. Các chất ma túy thường gặp**

##### ***1.1. Các chất kích thích***

###### ***a. Cây côca và các chất ma túy từ cây côca (cocain)***



Côca là một loại cây có chất ma túy. Ở một số nước Nam Mỹ, người dân nhai lá côca với vôi giống như người Việt Nam nhai trầu. Khi nhai như vậy họ không cảm giác đói, làm người khoẻ hơn, trạng thái tinh thần sáng khoái.



**Hình 1. Cây côca**

Dùng lá côca một thời gian gây

nghiện. Hiện nay ở Nam Mỹ có khoảng 5 triệu người nghiện côca.

Cây côca cao khoảng 6m, nhiều nơi người ta chỉ cho phát triển tới 1,5m để dễ thu hoạch. Lá côca mọc so le, có hai lá nhỏ kèm theo biến đổi thành hai gai. Phiến lá hình bầu dục. Quả côca hình trứng khi chín có màu đỏ có một hạt. Một cây côca có thể thu hoạch lá trong 40 năm. Mỗi năm có thể hái lá nhiều lần. Lá côca là nguyên liệu thô để chiết xuất cocain.

#### \* *Cocain (Benzoyl)*

Người dùng cocain lúc đầu thấy sáng khoái do tinh thần được kích thích, có những phản xạ hưng phấn, sau đó bị mê man. Cocain có khả năng làm liệt các đoạn của dây thần kinh cảm giác, ức chế sự dẫn truyền qua các sợi thần kinh.



**Hình 2. Cocain**

Ngoài ra nó còn tác động lên hệ thần kinh

trung ương, lúc đầu gây hoang tưởng sau đó ức chế hệ thần kinh trung ương.

Khi sử dụng với liều cao, cocain gây trạng thái ngộ độc cho người dùng: chân tay co quắp, liệt hô hấp, có thể gây tử vong. Hiện nay, trong y học, người ta chỉ dùng cocain với một lượng nhỏ làm thuốc tê trong việc chữa các bệnh về tai, mũi, họng hoặc đau răng.

Cocain thường được dùng dưới dạng chích, hít, uống, nhai.

*Chú ý:* Nước giải khát Coca-Cola là nước chiết từ lá côca (đã tách cocain) và hạt côla. Hạt côla là hạt của cây *Cola nitida* A.Chev. Trong hạt côla có chứa caphein là chất kích thích thần kinh trung ương (caphein còn có trong chè và cà phê).

**\* Crack**

Crack là một dạng sử dụng của cocain. Sản phẩm hoá học tạo thành ở dạng tinh thể nhỏ, sáng bóng liên kết với nhau thành những khối nhỏ kích cỡ như viên sỏi. Khi hút Crack, chúng tạo ra những tiếng kêu lách tách, vì vậy người ta gọi là Crack.



**Hình 3. Crack**

Crack là dạng cocain thông dụng nhất

được sử dụng bằng cách hút nhiều hơn là hít, hai hình thức này đều gây tác dụng hưng phấn tối đa. Loại ma túy này dễ cất giấu, dễ vận chuyển, dễ sử dụng nên được dùng nhiều ở các nước.

*b. Các chất kích thích mạnh hệ thần kinh*

Là nhóm chất kích thích mạnh hệ thần kinh trung ương như: amphetamin; methamphetamin, ecstasy... Chúng còn có biệt danh là “hồng phiến” hay ma túy “điên”.

**\* Amphetamin**

Amphetamin được các nhà khoa học Mỹ tổng hợp năm 1932, có tác dụng kích thích mạnh hệ thần kinh trung ương, ở liều cao gây ảo giác.

Với liều vừa phải, amphetamin có tác dụng làm tăng co bóp tim, tăng huyết áp,



**Hình 4. Amphetamin**

tăng khả năng lao động trí óc, giảm chứng buồn ngủ, tăng sức lực.

Do đó, một số vận động viên đã sử dụng thuốc này trước khi thi đấu. Một số sinh viên đã dùng trước kỳ thi, hy vọng để tăng hiệu quả học tập, tuy nhiên sẽ dẫn đến hậu quả nguy hại là bị nghiện.

Amphetamin và các dẫn xuất của nó khi xâm nhập vào hệ thần kinh, đầu tiên nó tác động lên thần kinh thị giác, thần kinh vận động khiến thị trường của mắt bị khuyếch đại, hình ảnh nhìn bị sai lệch về kích thước, đồng thời không phân biệt được sáng, tối và gây ra những cơn co ở vùng đầu, mặt, cổ, các cơ cánh tay. Sau đó dẫn đến những sai lệch về nhận thức, ngôn ngữ và những hành động vô lý mà bản thân không thể kiểm soát được.

Amphetamin và các thuốc hướng thần khác như secornal, imenocet, nếu lạm dụng liều cao sẽ có cảm giác hưng phấn theo hướng hiếu động, hăng hái, cuồng nhiệt, nhưng sau đó dễ mệt mỏi, trầm uất.

Việc sử dụng thường xuyên theo thời gian dài có thể dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng, không làm chủ được mình, thích gây gổ, ảo giác, huyết áp cao, chứng sợ hãi và chứng loạn thần kinh.

Với liều cao, amphetamin gây ra các phản ứng choáng, cơ thể suy sụp, không muốn ăn uống, đau đầu, loạn nhịp tim, giảm khả năng lao động và học tập. Nếu dùng lâu có thể bị rối loạn thần kinh, gây ảo giác mạnh, dẫn đến tâm thần. Người dùng có thể gào thét, quay cuồng, lao đầu vào ô tô hoặc nhảy từ lầu cao xuống mà không biết sợ.

Amphetamin thường có dạng viên màu hồng, dạng bột, dạng viên nén, viên con nhộng, ống tiêm...

Trên thị trường dược phẩm, amphetamin được biết dưới tên gọi maxiton hoặc secornal (dân chơi gọi là Mắc hay Xi cọt). Amphetamin còn có tác dụng gây chán ăn nên biệt dược Mắc còn được bán cho những người có nhu cầu giảm béo.

Thường sử dụng bằng cách tiêm, chích, uống, hút, hít.

\* *Methamphetamin-dimethylphenethylamin* (hay còn được gọi tắt là *Meth, Speed*)



*Dạng tinh thể*

*Dạng bột*

*Dạng viên nén*

### **Hình 5. Methamphetamin**

Được tổng hợp từ amphetamin, methamphetamin mạnh hơn amphetamin và gấp 500 lần so với thuốc phiện, có khả năng gây nghiện mạnh và tác động nhanh đến hệ thần kinh. Chất này thường được dùng bất hợp pháp trong thể thao dưới dạng các chất có tên chung là “doping”

Lúc đầu methamphetamin kích thích mạnh thần kinh gây hưng phấn, tạo cảm giác bay bổng mạnh mẽ, dễ bị kích động gây tội ác tức thì, nhưng đồng thời làm não thiếu tập trung và “đần” hẳn đi.

Vài tháng sau, người nghiện sụt cân và có nhu cầu tăng liều dùng, lúc đó nó trở thành tác nhân kích thích người nghiện đi đến hành vi bạo lực vô cùng man rợ. Sử dụng lâu ngày thì tính mạng sẽ bị đe dọa, dễ hôn mê, chết đột tử. Minh chứng cho điều đó là hàng trăm người chết ở miền Bắc Thái Lan vào năm 1994 do Meth gây ra.

Thương phẩm dạng bánh hoặc bột dẻo màu trắng, hồng, nâu, dạng viên con nhộng, viên nén màu xanh lá cây, màu vàng, màu da cam, màu trắng, màu hồng (An ninh thế giới, số 206, 7-12-2000), hoặc viên YaBa là Meth được tẩm vani và chocola, viên này trước đây đã là quốc nạn tại Thái Lan.

Bắt đầu từ đầu năm 1995 lực lượng Công an Việt Nam đã phát hiện và bắt giữ các ổ sản xuất Meth ở dạng bạch trà, trong các bao chèn xanh hoặc các dạng viên nén.

Ngày nay, đã có que thử Phamatech phát hiện Meth trong nước tiểu. Mẫu nước tiểu phải được thử nghiệm ngay sau khi lấy, nếu được bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C nước tiểu sẽ có giá trị để thử trong 48 giờ.

\* *Ecstasy (Methlenedioxy methylphenylethylamin – MDMA)*

Do nhà hóa học Thụy Sĩ tìm ra ngày 16/4/1943, là loại “ma túy yêu thích” của những năm 90, bởi nó khiến người sử dụng nhảy múa từ đêm này qua đêm khác mà không cảm thấy mệt mỏi. Loại ma túy này xếp hàng thứ 2 ở Úc, Niu-di-lân; xếp hàng thứ 3 ở Trung quốc, Thái Lan,



**Hình 6. Ecstasy**

In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản và Việt Nam. Cùng với tác động kích thích, ecstasy có tác động làm rối loạn tâm thần. Thời gian tác động, sau uống khoảng 20-60 phút, mạnh nhất trong giờ đầu tiên và sau đó giảm dần, mất dần tác dụng sau 4 đến 6 giờ.

Ecstasy làm thay đổi tâm lý người sử dụng, đầu óc trống rỗng, trí nhớ suy giảm. Hội chứng Serotonin do việc lạm dụng ecstasy gây ra dẫn đến tăng nhiệt độ cơ thể. Tác động lâu dài của ecstasy lên não bộ như nhận thức, hành vi và tâm lý chưa được nghiên cứu kỹ.

Ecstasy được bán dưới dạng viên tròn màu trắng, vàng, hồng, tím, xanh, dạng lốm đốm hoặc có sọc, có khắc thêm hình trái tim hay chim bồ câu, hoặc viên con nhộng, màu trắng, vàng hoặc hồng.

Hiện nay ở Úc người ta sử dụng thiết bị phát hiện ecstasy, thiết bị nhỏ gọn tiện dụng cho kết quả nhanh, xem trong nước tiểu có chứa thành phần hoạt tính MDMA hay không, nhưng không cho biết nồng độ hoặc các hóa chất khác (theo Kiến thức ngày nay số 280 ngày 10/5/2000).

\* *Methyl phenyl piperidinol propional – MPPP*

Dân nghiện ở miền Nam còn gọi là “Hoàng hậu”, cũng là một dẫn xuất của Amphetamin. Có thể nói, nếu thuốc phiện vào cơ thể gây tác dụng một, heroin



tác dụng mười, thuốc lắc (MDMA) có tác dụng năm mươi, thì “hoàng hậu” (MPPP) có tác dụng tới một trăm.

### **1.2. Các chất gây ảo giác**

Chất gây ảo giác là chất khi sử dụng sẽ gây nên sự sai lệch tạm thời về mặt ý thức, liên quan đến sự nhận định sai lạc về không gian và thời gian.

#### **a. Cần sa và các ma túy từ cần sa**

Cây cần sa có tên khoa học là *Cannabis sativa* L., thuộc họ Canabinaceae. Cây cần sa là cây thân thảo, còn được gọi là cây gai dầu, lanh mè, đại ma, cannabis.



**Hình 7. Cây cần sa**

Cần sa bao gồm các chất sau:

\* *Marijuana*: lấy từ ngọn cần sa (hoa và lá) được sấy khô và ép thành bánh, còn gọi là bồ đà (hoặc Marihuana; Kij; Bhang). Nó dạng giống chè hoặc thảo dược sấy khô, thường được bán trong các túi nhựa hoặc đóng trong gói nhôm.



**Hình 8. Marijuana**

\* *Hashish*: là loại nhựa chiết từ hoa của cây cần sa được sấy khô và nén lại thành bánh có màu nâu hoặc đen.



**Hình 9. Hashish**

\* *Dầu Hashish*: là một loại chất lỏng, đậm đặc được chiết xuất từ nhựa Hashish, có màu nâu vàng hoặc nâu đen.



**Hình 10. Dầu Hashish**

Với liều thấp, cần sa có tác dụng kích thích hệ thần kinh, do đó sau khi hút cần sa có cảm giác hưng phấn, có người bỗng cười to dữ dội, có người lại khóc lóc, hoặc có những hành vi vô nghĩa khác. Với liều cao, cần sa có tác dụng gây ảo giác, làm biến dạng nhận thức của người sử dụng, hoặc có những cơn ác mộng với những cảnh tượng kinh khủng. Sau những ảo giác đó họ trở nên mệt mỏi, giấc ngủ chập chờn. Việc sử dụng lâu dài, thường xuyên có thể dẫn tới những tổn thương hệ thần kinh như mất trí nhớ, rối loạn thần kinh, cơ thể gầy gò, ốm yếu, ủ dột, suy yếu khả năng sinh sản.

Người nghiện nhẹ dễ cai nghiện, dùng nhiều có hại cho thần kinh và dễ chuyển sang sử dụng ma túy khác.

Cần sa có thể được sử dụng bằng cách hút dưới dạng các cuộn thuốc cuộn, cũng có thể ăn (trong các loại bánh ngọt hay luộc ăn như rau), hoặc uống như nước chè.

Được diễn thế giới từ năm 1946 đã loại cần sa khỏi danh sách cây thuốc và xếp nó vào hàng ma túy gây nghiện sau heroin và cocain. Trong thành phần của cần sa có chứa chất THC (Tetrahydrocannabinol) là CGN. Trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XX, cây cần sa đã được di nhập vào Mỹ và gây cho quốc gia này nhiều nguy hại điều đứng.

Năm 1937, do tác hại to lớn của cần sa, nên nước Mỹ đã phải ra một đạo luật cấm trồng chúng trên toàn quốc.

#### *b. Nấm gây ảo giác*

Chất psilocybin là chất gây ảo giác có trong nấm *Psilocybe mexicana*.

Chất psilopine là chất cùng nhóm với cần sa và mescaline gây ảo giác, được chiết xuất từ loài nấm nhỏ *Psilocybe semilanceata*, làm nhận định sai lạc về không gian và thời gian, kích thích hoặc ức chế hệ thần kinh trung ương. Năm 1993, một cô gái người Pháp ở vùng Finiste đã chết đột tử do ăn nấm quá liều (52 cây nấm trong 12 giờ).

Chất musxinol và axit ibotenic là chất gây ảo giác có trong nấm *Amanita muscaria* là loài nấm thường gây ngộ độc cho người da đỏ.

#### *c. Mescaline*

Là chất gây ảo giác được người ta biết sớm nhất, được lấy từ một loài xương rồng Nam Mỹ có tên là Peyote.

#### *d. LSD (Lysergic acid diethylamide)*

LSD (axit lyergic diethylamide) là một chất bán tổng hợp bắt nguồn từ một loài nấm tự nhiên. LSD không màu, không mùi và không vị. Liều trung bình gồm chỉ có 50- 100 microgam chất LSD (1microgam = 1/1000gam). 1 gam LSD có giá từ 40.000- 60.000 USD.



LSD.25 là một chất gây ảo giác cực mạnh. Sau khi sử dụng từ 30- 60 phút bắt đầu có tác dụng. Chuyến phiêu du phát triển thành làn sóng với đỉnh điểm sau 2 đến 6 giờ. Sau 12- 16 giờ, tác dụng của LSD dần ngừng lại. Người sử dụng hoàn toàn bị nhấn chìm trong thế giới của riêng mình. Đó là một thế giới người sử dụng liên tục thấy các vật thay đổi hình dạng: âm nhạc có thể được nhìn thấy, màu sắc có thể ngửi thấy. Căn phòng hiện ra rộng lớn như phòng nhảy. Bạn ngồi mà nghĩ mình đang đứng. Bạn đứng mà nghĩ mình đang bay. Sự trở lại của “những giây phút cực khoái”, sau một tháng hoặc đôi khi một năm mặc dù không còn sử dụng LSD. “Trong giấc mơ có cảm giác như một dòng suối với những hình ảnh, những hình thù kì dị đang hiện ra liên tục như một chiếc kính vạn hoa”- *Albert Hofmann, năm 1943.*

LSD được sản xuất dưới dạng bột màu trắng ngà, không mùi, hoặc dạng viên tròn có màu sữa khác nhau hoặc viên con nhộng hoặc tấm trên giấy thấm nhỏ hình vuông có in hình ảnh các nhân vật trong phim hoạt hình, dân nghiện thường nhai hoặc nuốt. Cục tình báo Trung ương Mỹ đã tổng hợp được LSD.25 để sử dụng vào mục đích tình báo.

Cây Ololiuqui (Mêhicô), cây Ipomoea, cây Argyreia (Ấn Độ) có chứa các axit lysergide gây ảo giác. Chất này cũng có nhân của LSD.25 có tác dụng gây ảo giác rất mạnh.

Nghiện LSD.25, mescaline, psilocybin chỉ phổ biến ở các nước Âu, Mỹ.

### ***1.3. Các chất ức chế thần kinh***

#### ***a. Các opiat***

Là các sản phẩm của thuốc phiện và các thuốc có tác dụng giảm đau gây nghiện giống như thuốc phiện và morphin.

Cây thuốc phiện có tên khoa học là *Papaver somniferum* (họ Papaveraceae) hay còn gọi là cây thâu, anh túc, a phiến, ả phù dung. Cây thuốc phiện trước đây được trồng ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Lai Châu, Sơn La, Nghệ An, Thanh Hóa, Hòa Bình, Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn. Trên thế giới, thuốc phiện được trồng đầu tiên ở Thổ Nhĩ Kỳ, Iran (cách đây khoảng 6000 năm). Sau đó thuốc phiện được trồng ở Ấn Độ, Pakistan, Afghanistan, Miến



**Hình 11. Cây thuốc phiện**

Điện, Thái Lan, Trung Quốc, Lào, Mexico, Colombia ...

Cây thuốc phiện sống hàng năm, cao từ 0.7 đến 1.5m hoa to mọc đơn ở đầu cành hoặc đầu thân màu tím, màu vàng hoặc đỏ. Quả hình cầu hoặc hình trứng dài 4-7cm. Người ta trồng để thu nhựa thuốc phiện từ quả và thu tinh dầu từ hạt thuốc phiện, khi quả còn xanh bắt đầu chuyển sang màu vàng nhạt.

\* *Thuốc phiện (nha phiến, á phiện, opium)*

Là nhựa được lấy từ quả còn xanh của cây thuốc phiện bắt đầu chuyển sang vàng nhạt. Nhựa hơi khô có màu sẫm, đặc quánh, có thể đóng gói.



**Hình 12. Thuốc phiện**

Trong y học, nhựa thuốc phiện thuộc nhóm các chất ức chế hệ thần kinh, làm giảm đau, có thể chữa ho, trị ỉa chảy. Những người nghiện dùng nhựa để hút. Trong nhựa thuốc phiện có khoảng 40 ancaloit song có các chất cơ bản là morphin, côdein, thebain.

Thuốc phiện sống là loại nhựa thô đông đặc màu đen sẫm có mùi thơm đặc biệt. Thuốc phiện chín được chế từ thuốc phiện sống, thuốc phiện được hút bằng tẩu, bàn đèn.

#### \* *Morphin*

Morphin là một chất ma túy có tác dụng giảm đau, gây ngủ, được chế từ thuốc phiện dưới dạng bột tinh thể màu trắng hoặc dạng khối vuông. Morphin được sản xuất dưới dạng ống tiêm 1ml/0.01g dạng viên nén bọc 10mg hoặc 30-



**Hình 13. Morphin**

60, 100mg. Morphin được dùng trong những trường hợp đau mãn tính, đã dùng các thuốc giảm đau khác không khỏi, nhất là đau do ung thư, sỏi mật, sỏi thận, nhồi máu cơ tim....

#### \* *Heroin (Diacetylmorphin)*

Heroin là một chất ma túy được những người nghiện hay dùng trong giai đoạn hiện nay. Hêroin là chế phẩm được bán tổng hợp từ morphin có tác dụng giảm đau mạnh hơn morphin, nhưng độc hại hơn nhiều. Heroin có khả năng gây



**Hình 14. Heroin**

nghiện rất nhanh chỉ sau vài lần sử dụng. Nghiện heroin khó cai hơn nghiện morphin. Người dùng có thể suy sụp nhanh về thể xác lẫn tinh thần. Chỉ cần một liều khoảng 0,06gam có thể gây chết người ngay sau khi tiêm. Heroin là chất tinh thể màu trắng, màu xám nhạt (ở Đông Nam Á), màu nâu đen hoặc đen (ở Trung và Nam Mỹ), màu nâu sáng, màu hồng nhạt (ở Trung Đông). Ở Đông Nam Á, heroin được đóng gói thành bánh (túi) hình chữ nhật kích thước 10x14x2,5cm nặng 360-380 gam, trên mặt túi heroin có hình 2 con sử tử chân quả cầu với nhiều tên gọi khác nhau. Bọn bán lẻ heroin thường gói heroin thành từng gói nhỏ với nhiều loại khối lượng khác nhau, đóng thành mỗi liều hút 1 gói. Thủ đoạn thông thường là sấy khô, tán nhỏ mịn, đóng gói khoảng 20mg bằng giấy bạc hoặc giấy thường. Một số vụ, đối tượng trộn thêm bột thuốc aspirin để bán.

#### \* *Codein*

Được kết tinh từ dịch lọc thuốc phiện. Tinh thể không màu hoặc màu trắng, vị đắng, ít tan trong nước. Codein có tác dụng trị ho, giảm đau, trị ỉa chảy. Tuy nhiên nó cũng là loại ma túy, nên chỉ được dùng theo chỉ định của bác sỹ.

#### b. *Seduxen (Diazepam)*

Là một loại dược phẩm tổng hợp, thuộc nhóm chất ức chế hệ thần kinh, là thuốc an thần gây ngủ. Thuốc này được kiểm soát chặt chẽ, chỉ được sử dụng khi mất ngủ và phải có sự hướng dẫn của thầy thuốc.

Nếu sử dụng seduxen thường xuyên, lâu dài sẽ gây quen thuốc, ảnh hưởng xấu đến tim, gan, thận và rối loạn thần kinh. Sử dụng seduxen liều cao có thể gây tử vong.

## **2. Các chất gây nghiện**

### **2.1. *Caphein***

Là một trong các loại hóa chất được biết như là xanthine. Caphein là một chất kích thích, làm tăng tốc việc tạo các xung lực thần kinh bằng cách tăng

cường hoạt động bộ não. Với dạng tinh khiết nhất, caphein chứa các tinh thể có tạo vị đắng và được tìm thấy trong rất nhiều chất thông thường như cà phê, trà, bột ca cao, sôcôla.

Các tác động của caphein sẽ khác nhau đối với từng người, phụ thuộc vào bản thân chất gây nghiện, tính cách của người đó và thời điểm sử dụng chất gây nghiện. Số lượng caphein trong một hoặc hai tách cà phê có thể gây ra một vài tác động nhẹ trong khoảng năm phút, biểu hiện:

- Sự tỉnh táo
- Quá trình tiêu hóa thức ăn và nhiệt độ cơ thể
- Huyết áp
- Tiêu tiện và sự tiết ra axit trong dạ dày
- Với liều lượng lớn (trung bình khoảng tám cốc cà phê hay 600 mg) caphein có thể làm đau đầu, bồn chồn, lo sợ và thậm chí mê sảng.

Với liều lượng rất lớn (từ 10000 mg trở lên, tương đương với 100 – 200 cốc trà hoặc cà phê) caphein có thể làm tăng đường trong máu và axit trong nước tiểu. Việc sử dụng thường xuyên caphein tới 600mg một ngày (hoặc 8 cốc cà phê uống liền) có thể gây ra chứng mất ngủ mãn tính, sự lo lắng thường xuyên, trầm cảm và tình trạng rối loạn tiêu hóa. Nó có thể gây ra một số tình trạng làm cho tim yếu đi và tăng nguy cơ gây ung thư.

Có một sự nguy hiểm là caphein có thể đe dọa đến lượng xương của trẻ nhỏ vì nó có thể làm cho canxi và ma giê tiết ra quá mức. Các bác sỹ đã nghiên cứu khuyên rằng trẻ em chỉ nên dùng dưới 100 mg caphein một ngày, xấp xỉ một cốc cola và một thanh sôcôla 200 gam.

## **2.2. Nicotin**

Là hoạt chất của cây thuốc lá, là CGN có nguồn gốc tự nhiên. Chất này kích thích hệ thần kinh, tuy không bị coi là ma túy nhưng khi nghiện dễ bị ung thư phổi và viêm phế quản, đau dạ dày, nhăn da, trụy tim... Nếu đã

nghiện nicotin sẽ dễ dàng dẫn đến nghiện ma túy. Trẻ em không được phép sử dụng. Nicotin thường dùng dưới dạng hút (thuốc lá).

#### **D. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ**

Câu 1. Ma túy và các chất gây nghiện là gì?

Câu 2. Phân loại ma túy và chất gây nghiện.

Câu 3. Đặc điểm chung của ma túy và các chất gây nghiện. Chúng tác động đến sức khỏe con người như thế nào?

Câu 4. Nêu đặc điểm của một số ma túy và chất gây nghiện thường gặp theo bảng sau:

<b>TT</b>	<b>Tên chất</b>	<b>Ảnh hưởng đến thần kinh và sức khỏe</b>	<b>Khả năng gây nghiện</b>
1	Thuốc phiện		
2	Cần sa		
3	Heroin		
4	Amphetamin		
5	Morphin		
6	Methamphetamin		
7	Cocain		
8	Seduxen		
9	Caphein		
10	Nicotin		

Câu 5. Hãy đánh dấu x vào các ô tương ứng với các chất dưới đây mà anh (chị) cho là đúng:

<b>TT</b>	<b>Tên các chất</b>	<b>Chất gây nghiện là ma túy</b>	<b>Chất gây nghiện không phải là ma túy</b>	<b>Chất không gây nghiện</b>

1	Morphin			
2	Thuốc lá			
3	Thuốc phiện			
4	Chè			
5	Amphetamin			
6	Ecstasy			
7	Cần sa			
8	Tetraxylin			
9	Cocain			
10	Cà phê			
11	Bia			
12	Seduxen			
13	Thuốc lào			
14	Sữa			
15	Heroin			
16	Rượu			
17	Vitamin			
18	Methamphetamin			
19	Đường			
20	Dolargan			

Câu 6. Nêu một tình huống trong thực tế cuộc sống hoặc dạy học của anh (chị) có liên quan đến vấn đề Giáo dục phòng chống ma túy và giải pháp của anh (chị).

*THÔNG TIN PHẢN HỒI CHO CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ*

Câu 1, 2, 3. Hãy xem thông tin ở phần nội dung để trả lời.

Câu 4.

<b>TT</b>	<b>Tên chất</b>	<b>Ảnh hưởng đến thần kinh và sức khỏe</b>	<b>Khả năng gây nghiện</b>
1	Thuốc phiện	- Ức chế thần kinh, làm giảm đau. - Sử dụng quá liều sẽ gây ngộ độc cấp tính: chóng mặt, buồn nôn, mạch nhanh, có thể trụy tim mạch.	X
2	Cần sa	- Gây ảo giác - Sử dụng liều cao hoặc kéo dài sẽ gây ảo giác, mất trí nhớ, rối loạn thần kinh.	X
3	Heroin	- Ức chế thần kinh, làm giảm đau mạnh. - Sử dụng liều cao hoặc kéo dài sẽ dẫn đến liệt rung, làm ảnh hưởng đến thần kinh.	X
4	Amphetamin	- Kích thích thần kinh. - Dùng liều cao hoặc kéo dài sẽ gây loạn nhịp tim, rối loạn thần kinh.	X
5	Morphin	- Ức chế thần kinh, làm giảm đau. - Sử dụng liều cao hoặc kéo dài dẫn đến ngộ độc cấp tính và gây nghiện.	X
6	Methampheta min	- Kích thích thần kinh. - Dùng liều cao hoặc kéo dài sẽ gây loạn nhịp tim, rối loạn thần kinh.	X
7	Cocain	- Kích thích thần kinh. - Dùng liều cao hoặc kéo dài sẽ gây chóng mặt, rối loạn hô hấp, chân tay co quắp, có thể tử vong.	X
8	Seduxen	- Ức chế thần kinh, gây ngủ.	X



		- Sử dụng liều cao hoặc kéo dài sẽ dẫn đến mất trí nhớ, tổn thương hệ tuần hoàn, có thể gây tử vong.	
9	Caphein	- Kích thích thần kinh, tỉnh táo, ngủ không sâu. - Dùng liều cao hoặc kéo dài sẽ gây đau đầu, bồn chồn, lo lắng, mê sảng...	X
10	Nicotin	- Kích thích thần kinh. - Dùng liều cao hoặc kéo dài sẽ gây ho, ung thư phổi, đau dạ dày, nhăn da...	X

5.

<b>TT</b>	<b>Tên các chất</b>	<b>Chất gây nghiện là ma túy</b>	<b>Chất gây nghiện không phải là ma túy</b>	<b>Chất không gây nghiện</b>
1	Morphin	X		
2	Thuốc lá		X	
3	Thuốc phiện	X		
4	Chè		X	
5	Amphetamin	X		
6	Ecstasy	X		
7	Cần sa	X		
8	Tetraxylin			X
9	Cocain	X		
10	Cà phê		X	
11	Bia		X	

12	Seduxen	X		
13	Thuốc lào		X	
14	Sữa			X
15	Heroin	X		
16	Rượu		X	
17	Vitamin			X
18	Methamphetamin	X		
19	Đường			X
20	Dolargan	X		

Câu 6. Anh (chị) có thể ghi các tình huống vào vở học tập và thảo luận với đồng nghiệp để có phương án giải quyết.

## ***BÀI 2***

### **TÌNH HÌNH TỆ NẠN MA TÚY TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY CHO HỌC SINH**

**Số tiết:** 4 (2 LT, 2 TL)

#### **A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

*Sau khi học xong bài này, học viên cần đạt được các mục tiêu sau:*

#### **I. Kiến thức**

- Trình bày sơ lược được về tình hình ma túy trên thế giới và ở Việt Nam.
- Nêu được tình hình ma túy trong học đường.

- Giải thích được sự cần thiết của việc giáo dục PCMT và CGN cho học sinh.

## **II. Kỹ năng**

Định hướng cho học sinh cách phòng, tránh ma túy.

## **III. Thái độ**

Có niềm tin và sẵn sàng thực hiện việc giáo dục PCMT và CGN cho học sinh.

## **B. CÁC PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ DẠY VÀ HỌC**

## **C. NỘI DUNG**

### ***Nội dung chính:***

- Tình hình tội phạm ma túy, nghiện ma túy trên thế giới và ở Việt Nam.
- Tình hình tệ nạn ma túy học đường và sự cần thiết của việc giáo dục PCMT và CGN cho học sinh.

## **I. TÌNH HÌNH TỆ NẠN MA TÚY TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM**

### **1. Trên thế giới**

#### ***\* Tình hình nghiện ma túy trên thế giới***

Mãi đến thế kỷ 17, nhân loại vẫn chưa nước nào biết dùng á phiện để hút như lạc thú, vậy mà nay tình hình nghiện ma túy đã khác hẳn.

Trên thế giới hiện có 200- 250 triệu người sử dụng trái phép chất ma túy (gần 6% dân số từ 15 - 64 tuổi trên thế giới). Trong đó 163 triệu người nghiện cần sa, 34 triệu người nghiện các chất ma túy tổng hợp ATS, 8 triệu người nghiện loại ma túy gây ảo giác ecstasy, 14 triệu người nghiện côcain, 10 triệu người nghiện thuốc phiện và 10- 20 triệu người nghiện heroin.

Số người nghiện ma túy chưa có dấu hiệu giảm ở hầu hết các nước (mục tiêu ASEAN không ma túy vào năm 2015 đang là thách thức lớn).

Theo báo cáo tình hình ma túy thế giới năm 2013 của Liên Hợp Quốc, hiện nay bên cạnh những loại ma túy “truyền thống” như: heroin, cocain..., và các

loại chất hướng thần mới, núp bóng dưới những tên gọi như “chất thẳng hoa hợp pháp” và các “thuốc đặc chế” đang lan tràn với tốc độ nhanh chưa từng thấy. Chỉ trong vòng 3 năm, số chủng loại các chất hướng thần mới được phát hiện trên toàn thế giới đã tăng lên hơn 50%, từ 166 loại vào thời điểm cuối năm 2009 lên 251 loại vào giữa năm 2012. Xu thế trẻ hóa và tiêm chích các chất ma túy tổng hợp gia tăng trên phạm vi toàn cầu.

**\* *Thực trạng nguồn cung cấp ma túy***

- Thuốc phiện: 196.000 ha trồng cây thuốc phiện với sản lượng 4.680 tấn thuốc phiện (giảm 3.000 tấn so với năm 2009), tương đương với 68 tỷ đô la Mỹ. Khu vực “Tam giác vàng” cung cấp cho thị trường bất hợp pháp gần 300 tấn thuốc phiện. Khu vực “Trăng lưỡi liềm vàng” có tới 123.000 ha với trên 3.600 tấn thuốc phiện (chiếm khoảng 75% lượng thuốc phiện toàn thế giới). Mê-hi-cô: 100 tấn thuốc phiện. Về giá thành, 1kg heroin tại Apganixtan là 4000 USD, đến Mỹ có giá là 200.000 USD, đến Úc có giá là 370.000 USD (nếu bán lẻ, tội phạm thu lợi 2 triệu USD).

- Cocain và Cần sa: gần 1000 tấn Côcain có giá trị từ 75-100 tỷ đô la. 45.000 tấn cần sa thu giữ hàng năm vào khoảng 6.000 tấn.

- Ma túy tổng hợp: 60 quốc gia thông báo có tình trạng sản xuất ma túy tổng hợp bất hợp pháp. Năm 2009, phát hiện gần 11 nghìn cơ sở sản xuất nhỏ lẻ. Lượng ATS bất hợp pháp ước tính trị giá 64 tỷ đô la (*1 triệu viên thuốc ho-60kg pseudoephedrin- 45 kg Meth. Tinh thể- 128 triệu viên lắc thu về 3,6 triệu đô la*).

**2. Tại Việt Nam**

Theo số liệu báo cáo của các địa phương, tính tới cuối tháng 6 năm 2011 cả nước có 149.900 người nghiện ma túy. So với cuối năm 1994, số người nghiện ma túy đã tăng khoảng 2,7 lần với mức tăng xấp xỉ 6.000 người nghiện mỗi năm. Người nghiện ma túy đã có 63/63 tỉnh, thành phố, khoảng 90% quận, huyện, thị xã và gần 60% xã, phường, thị trấn trên cả nước.

Cơ cấu người nghiện ma túy theo vùng miền cũng đã có những thay đổi đáng kể. Nếu như giữa những năm 90 của thế kỷ trước, nghiện ma túy chủ yếu phổ biến ở người dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc thì từ giữa những năm 2000 đã tăng mạnh xuống vùng đồng bằng Sông Hồng và khu vực miền Đông Nam bộ. Năm 1994 có tới hơn 61% người nghiện ma túy ở Việt Nam thuộc khu vực các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thì tới năm 2009 tỷ lệ này là gần 30%. Ngược lại, tỷ lệ người nghiện ma túy thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng trong tổng số người nghiện ma túy của cả nước đã tăng từ 18,2% lên 31% trong cùng kỳ. Tương tự, tỷ lệ người nghiện ma túy thuộc các tỉnh miền Đông Nam bộ đã tăng từ 10,2% lên 23%.

Độ tuổi của người nghiện ma túy cũng có xu hướng trẻ hóa. Cuối năm 2010, gần 70% người nghiện ma túy ở độ tuổi dưới 30 trong khi năm 1995 tỷ lệ này chỉ khoảng 42%. Hơn 95% người nghiện ma túy ở Việt Nam là nam giới. Tuy nhiên, tỷ lệ người nghiện là nữ giới cũng đang có xu hướng tăng trong những năm qua.

Theo số liệu khảo sát của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại thời điểm cuối năm 2009, đa số người nghiện ma túy có trình độ văn hóa thấp, khoảng 10% không biết chữ, 59% có trình độ văn hóa từ tiểu học tới trung học cơ sở. Có khoảng 2/3 số người nghiện chưa từng được đào tạo nghề; gần 20% đã được học nghề nhưng không được cấp bằng, chứng chỉ; khoảng 12% được đào tạo nghề một cách chính quy, được cấp bằng, chứng chỉ tốt nghiệp. Đa số người nghiện ma túy không có nghề nghiệp ổn định.

Loại ma túy được sử dụng và hình thức sử dụng ma túy cũng có nhiều thay đổi phức tạp. Thay cho vai trò của thuốc phiện trong hơn 10 năm trước đây, heroin hiện là loại ma túy được sử dụng chủ yếu ở Việt Nam, có tới 96,5% người nghiện thường xuyên sử dụng heroin trước khi tham gia cai nghiện. Mặc dù tỷ lệ người nghiện thuốc phiện và các chất kích thích dạng Amphetamine (ATS hay ma túy tổng hợp) tương đương nhau, khoảng 1,2% - 1,4% nhưng theo đánh giá của Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của

Liên hợp quốc (UNODC), việc lạm dụng ATS, đặc biệt là Methamphetamine, đang có xu hướng gia tăng trong người nghiện ma túy tại Việt Nam, nhất là khi Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á là khu vực chiếm 1/2 số người lạm dụng loại ma túy này trên toàn thế giới. Việc gia tăng lạm dụng các loại ma túy tổng hợp khiến cho công tác phòng ngừa và cai nghiện phục hồi cho nhóm người nghiện ma túy gặp rất nhiều khó khăn.

Cách thức sử dụng ma túy cũng có nhiều thay đổi. Nếu như năm 1995 chỉ có chưa đến 8% số người nghiện tiêm chích ma túy và hơn 88% chủ yếu hút, hít thì tới cuối năm 2009 số người chích ma túy chiếm hơn 3/4 tổng số người nghiện ma túy của cả nước. Hình thức sử dụng ma túy chủ yếu là tiêm chích với việc dùng chung bơm kim tiêm đã dẫn tới tỷ lệ lây nhiễm HIV cao trong nhóm người nghiện chích ma túy (17,2%). Theo số liệu từ Bộ Y tế, người nghiện chích ma túy cũng là nhóm đối tượng chiếm tỷ lệ cao nhất trong số những người nhiễm HIV ở Việt Nam (41,1% tính đến cuối tháng 6/2011).

Bên cạnh những hậu quả liên quan tới HIV/AIDS, xấp xỉ 50% số người nghiện được khảo sát năm 2009 cho biết họ đã gặp những vấn đề về sức khỏe tâm thần như lo lắng, trầm cảm, mất ngủ, ảo giác, căng thẳng thần kinh trong 12 tháng trước khi tham gia cai nghiện, trong đó 11,4% thường xuyên hoặc luôn luôn gặp những vấn đề như vậy. Một tỷ lệ tương tự người nghiện ma túy thường gặp các vấn đề về sức khỏe thể chất.

Bên cạnh những hệ lụy về tài chính và sức khỏe do sử dụng ma túy, hơn 1/3 số người nghiện ma túy tham gia cuộc khảo sát trên còn cho biết đã gặp những khó khăn, mâu thuẫn trong quan hệ với người thân trong gia đình.

Ngoài ra, nghiện ma túy là nguồn gốc, nguyên nhân tiềm tàng phát sinh nhiều loại tội phạm xâm phạm trật tự xã hội như giết người, cướp của, trộm cắp, cố ý gây thương tích, bạo lực gia đình... Số liệu khảo sát của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho thấy, có gần 38% số học viên được tiếp nhận và hỗ trợ cai nghiện tại các Trung tâm đã có tiền án hoặc tiền sự. Theo số liệu từ Bộ Công an, khoảng 11% trong tổng số 143.196 người nghiện có hồ sơ quản lý

của cả nước cuối năm 2010 đang được quản lý tại các trại giam, cơ sở Giáo dục, trường Giáo dục do ngành Công an quản lý do có các hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Các loại ma túy tổng hợp dạng Amphetamine (ATS) vẫn đang ngày càng trở nên phổ biến trong bộ phận giới trẻ. Việc sử dụng ma túy tổng hợp không chỉ xuất hiện tại các thành phố lớn, các vùng biên giới và các khu công nghiệp, mà còn xuất hiện ở cả các vùng nông thôn.

Như vậy, có thể thấy tình hình lạm dụng ma túy ở Việt Nam vẫn đang diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng cùng với việc xuất hiện nhiều loại ma túy mới, hình thức sử dụng ma túy không an toàn làm tăng nguy cơ lây nhiễm HIV. Đa số người nghiện ma túy có trình độ văn hóa thấp, chưa được đào tạo nghề và không có việc làm ổn định, thường gặp các vấn đề về sức khỏe, kinh tế khó khăn, nhiều người không được sự hỗ trợ của người thân, gia đình. Do vậy, việc tổ chức cai nghiện cho người nghiện ma túy là cần thiết nhằm giúp họ từ bỏ sự phụ thuộc vào chất gây nghiện, đồng thời trang bị, phục hồi cho họ các kỹ năng sống và kỹ năng lao động để đảm bảo thực hiện đầy đủ các vai trò của mình trong gia đình và xã hội.

### **3. Ở Thanh Hóa**

#### *\* Tình hình tội phạm về ma túy*

Trong thời gian qua tình hình hoạt động của tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có nhiều diễn biến phức tạp. Số vụ bắt, xử lý và lượng ma túy thu giữ năm sau luôn cao hơn năm trước. Nguồn ma túy vận chuyển, mua bán và tiêu thụ trên địa bàn chủ yếu từ Hòa Phăn (Lào), từ các tỉnh Tây Bắc (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên), từ Hà Nội, Hải Phòng vào và từ Nghệ An đưa ra. Có 7 huyện, thị xã, thành phố thuộc diện phức tạp về ma túy, đó là: thành phố Thanh Hóa, huyện Thọ Xuân, Bim Sơn, Sầm Sơn, Quảng Xương, Tĩnh Gia, Bá Thước, số vụ tội phạm về ma túy bị bắt giữ ở các địa bàn này chiếm 70% tổng số toàn tỉnh.

Thủ đoạn hoạt động của tội phạm ma túy ngày càng tinh vi, xảo quyệt, liên kết hình thành các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy với số lượng lớn và có tổ chức chặt chẽ, có trang bị các loại vũ khí quân dụng, tính chất manh động, liều lĩnh; các đối tượng cầm đầu thường hoạt động giấu mặt, lôi kéo người thân trong gia đình, dòng họ, người nghiện ma túy, phụ nữ có thai, người dân tộc thiểu số, người nhiễm HIV/AIDS... tham gia vận chuyển, mua bán ma túy và sẵn sàng sử dụng vũ khí, hung khí chống trả quyết liệt khi bị phát hiện, bắt giữ.

*\* Tình hình người nghiện ma túy*

Tính đến 31/03/2013 trên địa bàn toàn tỉnh Thanh Hóa có 5.395 người nghiện ma túy (giảm 35 người so với năm 2012, nguyên nhân giảm là do số người nghiện bị chết, cai nghiện thành công, chuyển đi nơi khác). Số người nghiện ngoài xã hội là 4.532, số người nghiện đang cải tạo tại Trại tạm giam là 273, số người nghiện đang chấp hành đi Cơ sở giáo dưỡng, Trung tâm Giáo dục – Lao động xã hội là 590. Số người nghiện ma túy phạm tội vận chuyển, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và phạm các tội hình sự gây mất trật tự an toàn xã hội có chiều hướng ngày càng gia tăng.

Tình hình sử dụng ma túy tổng hợp nhất là ma túy tổng hợp dạng “đá” có xu hướng gia tăng, các đối tượng lợi dụng việc sinh nhật, liên hoan... để tổ chức sử dụng, phân tán thành các tổ nhỏ thuê nhà nghỉ, khách sạn, quán karaoke, gây khó khăn trong phát hiện đấu tranh.

## **II. TÌNH HÌNH TỆ NẠN MA TUÝ HỌC ĐƯỜNG VÀ SỰ CẢN THIẾT CỦA VIỆC GIÁO DỤC PCMT VÀ CGN CHO HỌC SINH**

Trong những năm gần đây, tình trạng buôn bán, vận chuyển, sử dụng ma túy... có xu hướng gia tăng ở một số tỉnh, thành trong cả nước. Cùng với sự phức tạp này, ngành Giáo dục với hơn 20 triệu học sinh, sinh viên (HSSV) đang là một trong những đối tượng dễ bị tác động, lôi kéo vào tệ nạn ma túy, đặc biệt là ở vùng miền núi, dân tộc. Mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có



nhiều giải pháp để ngăn chặn tình trạng nói trên, song tệ nạn ma túy vẫn luôn là một trong những nguy cơ tiềm ẩn lớn đối với HSSV...

Theo điều tra của liên ngành Giáo dục - Công an về tình trạng HSSV vi phạm tệ nạn ma túy thì, năm 2002 cả nước có gần 1.200 HSSV vi phạm tệ nạn ma túy, đến năm 2008, tình trạng này đã giảm đáng kể, chỉ còn 276 em nghiện ma túy. Mặc dù tình trạng nghiện ma túy trong HSSV đã giảm đáng kể nhưng theo Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong thời gian gần đây tình trạng HSSV tham gia sử dụng thuốc lắc, cần sa... lại đang có dấu hiệu gia tăng với chiều hướng ngày càng phức tạp. Tại nhiều địa phương, cơ quan công an đã phát hiện học sinh trồng cây cần sa ngay tại nhà để sử dụng, ở nhiều tụ điểm ma túy có đối tượng vi phạm là HSSV. Thông thường các đối tượng này hay tụ tập thành từng nhóm ở bất cứ nơi nào có thể để sử dụng thuốc lắc, hút cần sa. Nhiều đối tượng đã bị lôi kéo tham gia trực tiếp buôn bán ma túy trong các đường dây buôn bán ma túy lớn, nhỏ ở khắp các tỉnh thành.

Tuy số HSSV sử dụng ma túy gần đây có giảm nhưng nguy cơ những người trong độ tuổi này nghiện ma túy vẫn còn cao. Từ nghiện ma túy dẫn đến trộm cắp, buôn bán ma túy, gây rối trật tự.

Việt Nam đang trở thành thị trường tiêu thụ ma túy khá lớn trong vùng, là nơi bị bọn tội phạm quốc tế lợi dụng.

Ma túy đang trở thành hiểm họa của Việt Nam và toàn cầu.

Ma túy gây hại cho sức khỏe, làm ảnh hưởng tới lối sống, đạo đức, nhân cách của con người, đặc biệt là lớp trẻ. Nó cũng gây tổn hại không nhỏ tới nền kinh tế quốc gia.

Có rất nhiều nguyên nhân khiến tệ nạn ma túy dễ dàng xâm nhập vào học đường, trong đó có nguyên nhân HSSV phải ở ngoại trú không có sự kiểm soát chặt chẽ thường xuyên của gia đình, nhà trường. Hiện cả nước có gần 80% HSSV các trường chuyên nghiệp phải ở ngoại trú, hầu hết ở những nơi này đều là những nơi an ninh trật tự không được đảm bảo với nhiều thành

phần phức tạp của xã hội. Do đó, các em dễ bị rủ rê, lôi kéo vào tệ nạn ma túy...

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất phục vụ đời sống văn hoá tinh thần cho HSSV ở hầu hết các trường còn thiếu thốn, đặc biệt là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, trong khi tình trạng buôn bán, sử dụng ma túy ở những khu vực này đang diễn biến rất phức tạp. Điều này đã khiến cho không chỉ học sinh mà ngay cả một số cán bộ, giáo viên ở các địa phương cũng nghiện ma túy. Ngoài ra, sự thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý của các gia đình, nhà trường, chính quyền địa phương cũng đã tạo điều kiện cho một số HSSV dễ dàng sa ngã vào con đường nghiện ngập, cờ bạc...

Biện pháp hữu hiệu nhất để đẩy lùi tệ nạn ma túy ra khỏi trường học cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương. Đặc biệt, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục để HSSV có ý thức phòng, chống tệ nạn ma túy. Theo đó, các trường cần tổ chức lồng ghép công tác phòng chống ma túy với việc thực hiện các phong trào thi đua lớn, như: Sinh viên tự quản, hòm thư giúp bạn, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tổ chức các giải thi đấu thể thao, hội thi tiếng hát HSSV; tích hợp nội dung kiến thức về giáo dục phòng, chống ma túy vào chương trình các môn học có liên quan và các hoạt động giáo dục ở các cơ sở giáo dục phổ thông.

Học sinh, sinh viên là lực lượng quan trọng đối với tương lai của quốc gia và của dân tộc. Nếu tổ chức giáo dục phòng chống ma túy tốt cho nhóm đối tượng này thì công tác phòng, chống ma túy trong lứa tuổi thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên sẽ đạt hiệu quả cao. Đồng thời học sinh, sinh viên cũng chính là lực lượng quan trọng trong công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy cho toàn xã hội.

Học sinh, sinh viên là lứa tuổi chưa thực sự trưởng thành, có đặc điểm tâm lý lứa tuổi riêng, suy nghĩ non nớt, dễ bị kẻ xấu lợi dụng lôi kéo, rủ rê, dễ bị ảnh hưởng của lối sống hưởng thụ một cách cực đoan; đặc biệt với số học sinh, sinh viên thiếu sự quan tâm chặt chẽ của gia đình, nhà trường. Đó là

những nguyên nhân xô đẩy các em tới con đường nghiện ma túy và trở thành tội phạm. Tuy số học sinh, sinh viên sử dụng ma túy gần đây có giảm so với 10 năm trước đây nhưng nguy cơ nghiện ma túy trong độ tuổi này vẫn cao.

Trong tình hình diễn biến phức tạp của tệ nạn ma túy trong xã hội và ở cộng đồng, hơn 22 triệu HSSV, học viên (hơn 1/4 dân số toàn quốc) với sự đa dạng, phức tạp về tâm lý (ở nhiều độ tuổi, trình độ nhận thức và kinh nghiệm cuộc sống khác nhau), là những đối tượng có nguy cơ cao để ma túy xâm nhập. Việc GDPCMT là cần thiết và cấp bách. Nó không chỉ góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu *nhà trường không có ma túy mà còn ngăn chặn sự phát triển của hiểm họa ma túy trong toàn quốc gia*.

Trước tình hình hiểm họa ma túy đang ngày càng gia tăng, ngày 22/12/2000, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật Phòng chống ma túy, trong đó đã xác định: “Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng chống ma túy và lối sống lành mạnh cho HSSV, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn HSSV, học viên tham gia tệ nạn ma túy.

2. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục HSSV, học viên về phòng, chống ma túy. (Trích điều 10, Luật Phòng chống ma túy).

Điều 42 quy định: “Bộ Giáo và Đào tạo có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phòng, chống ma túy; xây dựng, tổ chức thực hiện các dự án giáo dục phòng, chống ma túy trong nhà trường, các cơ sở giáo dục khác”.

GDPCMT cho các cấp học, bậc học là nhiệm vụ quan trọng nhằm triển khai việc thực hiện Luật Phòng chống ma túy trong hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời góp phần thực hiện nghị quyết số 40/2000/QHX về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông của Quốc hội”.

## **D. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ**

Câu 1. Trình bày sơ lược bức tranh toàn cảnh về tình hình tội phạm ma túy, nghiện ma túy trên thế giới.

Câu 2. Trình bày đặc điểm tình hình tội phạm ma túy, nghiện ma túy ở Việt Nam.

Câu 3. Tình hình tệ nạn ma túy học đường? Sự cần thiết của việc GDPCMT và CGN cho HS?

### *THÔNG TIN PHẦN HỎI CHO CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ*

Câu 1. Hãy xem thông tin phần nội dung để trả lời.

Câu 2. Hãy xem thông tin phần nội dung để trả lời.

Câu 3. Hãy xem thông tin phần nội dung để trả lời.

# ***BÀI 3***

## **LẠM DỤNG MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN,**

## **NGHIỆN MA TÚY**

**Số tiết :** 5 (2LT, 3 TL)

### **A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

*Sau khi học xong bài này, học viên cần đạt được các mục tiêu sau:*

#### **I. Kiến thức**

- Nêu được các khái niệm: lạm dụng ma túy và CGN, nghiện ma túy.
- Giải thích được hội chứng đối thuốc (HCĐT) và cơ chế cai nghiện.

#### **II. Kỹ năng**

- Bước đầu có kỹ năng nhận biết người nghiện qua HCĐT.

- Hình thành kỹ năng đưa ra các quyết định đúng đắn đối với những vấn đề có liên quan đến ma túy.

### **III. Thái độ**

Bày tỏ lòng tin đối với những người nghiện ma túy có thể cai nghiện được nếu quyết tâm và có sự chia sẻ, đồng viên của người thân, đồng nghiệp...

### **B. CÁC PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ DẠY VÀ HỌC**

Tranh ảnh, băng hình về nghiện ma túy, CGN...

### **C. NỘI DUNG**

#### ***Nội dung chính:***

- Các dấu hiệu nhận biết người nghiện ma túy.
- Khái niệm về lạm dụng ma túy và chất gây nghiện, nghiện ma túy.
- Hội chứng đói thuốc.
- Cai nghiện ma túy.

### **I. CÁC DẤU HIỆU NHẬN BIẾT NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY**

Theo *Tài liệu hướng dẫn của Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội Thành phố Hà Nội:*

- Nhận biết người nghiện qua những hành vi, triệu chứng biểu hiện sau đây:

+ Thay đổi bất thường giờ giấc sinh hoạt: thức khuya, đêm ít ngủ, dậy muộn, ngày ngủ nhiều.

+ Hay tụ tập, đi lại với những người không có việc làm, không lao động, không học hành, người nghiện ma túy.

+ Đi lại có quy luật, mỗi ngày cứ đến một giờ nhất định nào đó dù có đang bận việc gì cũng tìm cách, kiếm cớ để đi.

+ Thích ở một mình, ít hoặc ngại tiếp xúc với mọi người (kể cả người thân trong gia đình).

+ Tâm trạng thường lo lắng, bồn chồn, đôi khi nói nhiều, nói dối, hay có biểu hiện chống đối, cáu gắt.

+ Hay ngáp vặt, người lờ đờ, mệt mỏi, lười lao động, sợ nước, không chăm lo vệ sinh cá nhân; nếu là học sinh thường đi học muộn, trốn học, học lực giảm sút, ngồi trong lớp hay ngủ gật.

+ Nhu cầu tiêu tiền ngày một nhiều, sử dụng tiền không có lý do chính đáng, thường xuyên xin tiền người thân, hay bán đồ cá nhân và của gia đình, nợ nần nhiều, ăn cắp vặt...

+ Trong túi quần, áo, cặp sách, phòng ở thường có các thứ như: giấy bạc, thuốc lá, kẹo cao su, bật lửa ga, bom xilanh, kim tiêm, ống thuốc, thuốc phiện, gói nhỏ heroin.

+ Có dấu kim tiêm trên mạch máu, ở mu bàn tay, ở cổ tay, mặt trên khuỷu tay, mặt trong mắt cá chân, ở bẹn, ở cổ.

+ Đối với người nghiện nặng, ngoài các dấu hiệu trên còn có biểu hiện: sức khỏe giảm sút rõ rệt, thường xuyên ngáp vặt, mắt lờ đờ, da tái, môi thâm, cơ thể hôi hám, ít tắm giặt, ăn mặc luộm thuộm.

*Ghi chú:* Người nào có càng nhiều những biểu hiện nêu trên thì người đó càng có nhiều khả năng đã nghiện ma túy. Chắc chắn nhất là lấy nước tiểu xét nghiệm xem có chất ma túy không để khẳng định.

- Nhận biết bằng các phương tiện kỹ thuật. Ví dụ: dùng que chỉ thị màu. Khi thử chỉ cần nhúng que vào nước tiểu của người bị nghi là có sử dụng ma túy thì những chỉ thị màu sẽ cho câu trả lời người đó có sử dụng ma túy hay không.

## **II. KHÁI NIỆM VỀ LẠM DỤNG MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN, NGHIỆN MA TÚY**

### **1. Lạm dụng ma túy và chất gây nghiện**

- Lạm dụng ma túy và các CGN là hiện tượng sử dụng chúng không phải cho mục đích trị liệu; hoặc tự ý kéo dài thời gian sử dụng; hoặc sử dụng quá liều chỉ định, không theo hướng dẫn của thầy thuốc.

- Mọi trường hợp lạm dụng thuốc có chứa ma túy và các CGN đều có thể dẫn đến tình trạng nhiễm độc cấp tính hoặc mãn tính.

+ Nhiễm độc cấp tính: là hiện tượng xuất hiện sau khi dùng thuốc một thời gian ngắn với liều cao quá sức chịu đựng của cơ thể. Những biểu hiện có thể gồm: hôn mê, nhức đầu, mạch nhanh, nôn mửa, toát mồ hôi, mặt tím tái... và có thể chết vì trụy tim mạch.

+ Nhiễm độc mãn tính: là hiện tượng nghiện ma túy hoặc CGN do sử dụng lặp đi lặp lại nhiều lần một chất ma túy hoặc CGN nào đó.

## **2. Nghiện ma túy**

- Nghiện ma túy là trạng thái nhiễm độc mãn tính do sử dụng lặp đi lặp lại nhiều lần chất ma túy nào đó.

- Đặc trưng của hiện tượng nghiện là:

+ Cần tăng dần liều dùng.

+ Có sự lệ thuộc về tâm lý, sinh lý của người dùng vào chất đó.

+ Nếu thiếu chất đó người nghiện sẽ có các triệu chứng như: uể oải, hạ huyết áp, lên cơn co giật, đau đốn... và có thể làm bất cứ điều gì miễn là có thuốc để dùng.

Khi đã nghiện thực sự, nếu người nghiện thiếu thuốc hoặc bị cắt lượng thuốc quen dùng sẽ gây ra hội chứng đói thuốc (hay hội chứng cai nghiện).

- Mức độ nhẹ:

+ Ngáp.

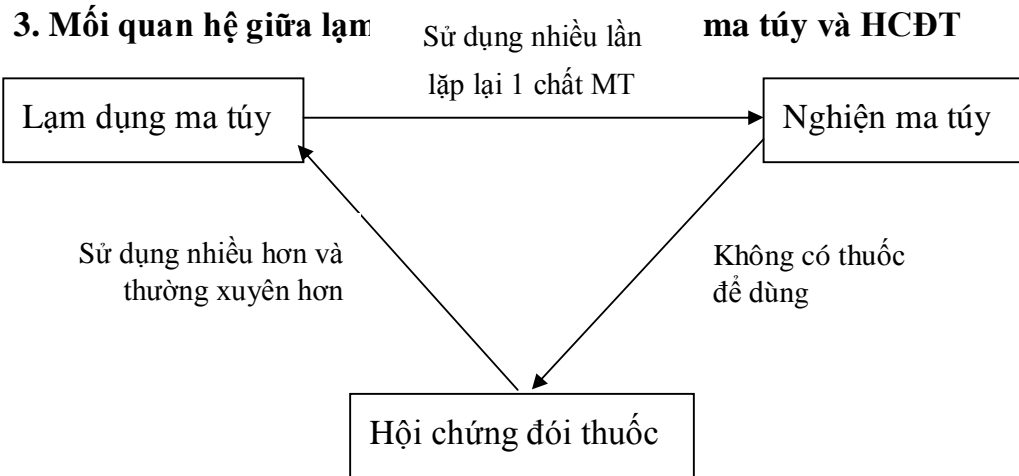
+ Chảy nước mắt, nước mũi, nước bọt.

+ Vã mồ hôi, ớn lạnh, nổi da gà.

- Mức độ nặng:

- + Nôn mửa.
- + Tiêu chảy, xuất huyết đường tiêu hóa.
- + Đau đầu, co giật, hôn mê.
- + Đau cơ, xương, khớp (hiện tượng “giò bò” trong xương)...

Những hiện tượng này hay gặp ở những người nghiện heroin, thuốc phiện và các opiat khác.



**Sơ đồ: Mối quan hệ giữa lạm dụng ma túy, nghiện ma túy và HCĐT**

Ba hiện tượng này có mối liên hệ hữu cơ tất yếu vì:

- Việc lạm dụng ma túy lâu dài sẽ dễ dàng dẫn đến nghiện ma túy.
- Nếu người nghiện thiếu ma túy sẽ xuất hiện hội chứng đói thuốc (hay hội chứng cai nghiện), khi đó người nghiện lại phải dùng ma túy nhiều hơn hoặc liên tục hơn (tăng dần liều dùng).

**III. CAI NGHIỆN MA TÚY**

**1. Cơ chế cai nghiện**

Vì có rất nhiều loại ma túy nên cơ chế cai nghiện cũng rất phức tạp, riêng đối với các loại ma túy thuộc nhóm opiat có cơ chế như sau:



- Trong cơ thể, bình thường tuyến yên (tuyến nội tiết trên bán cầu đại não) vẫn tiết ra một lượng endorphin – là một loại hormon có tác dụng làm giảm bớt cơn đau khi cơ thể bị đau đớn giống như morphin và các opiat khác nên endorphin còn được gọi là “morphin nội sinh”.

- Khi sử dụng các chất ma túy có tác dụng làm giảm đau, chúng sẽ thay thế dần các endorphin, khi đó tuyến yên sẽ giảm dần việc tiết endorphin. Tuyến yên tiết endorphin ngày càng ít, người nghiện càng phải tăng liều dùng ma túy để thay thế endorphin, nếu không cơ thể sẽ bị đau đớn dù chỉ va chạm khẽ hoặc có một cử động nhỏ. Tình trạng này kéo dài, lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ dẫn đến nghiện ma túy.

- Khi người nghiện không dùng ma túy nữa (cai nghiện) thì trong 15 ngày đầu, cơ thể chưa kịp thích ứng với việc tiết ra endorphin. Trong thời gian này, người nghiện phải chịu những cơn đau dữ dội và các rối loạn sinh lý nghiêm trọng gọi là hội chứng cai nghiện (hội chứng đói thuốc).

Các triệu chứng đói thuốc trên sẽ xuất hiện nhanh chóng ngay khi cắt thuốc, nặng nhất vào những ngày đầu (tùy theo mức độ nghiện và tùy theo thể trạng).

Ở mức độ nhẹ, những bệnh nhân có nghị lực có thể bỏ được ma túy. Song đa số người nghiện không thể tự vượt qua được những rối loạn trên, lúc này cần có sự giúp đỡ của thầy thuốc và người thân trong gia đình. Từ ngày thứ 7 đến ngày thứ 10, các rối loạn sẽ giảm dần và thường sau 15 ngày sẽ trở lại trạng thái sinh lý bình thường. Người bệnh ăn uống khỏe, ngủ được, tăng cân và sức khỏe phục hồi sau 1-2 tháng.

Khi tuyến yên sản xuất endorphin bình thường trở lại thì người cai nghiện mới hết biểu hiện của hội chứng cai nghiện.

Kết quả cai nghiện phụ thuộc rất nhiều vào quyết tâm, nghị lực của người nghiện. Đương nhiên sự giúp đỡ của gia đình, người thân và xã hội rất quan trọng, nhất là trong giai đoạn đầu.

## **2. Các phương pháp cai nghiện**

Hiện nay, việc cai nghiện mới chỉ đạt được các thành quả trong cai các opiat. Có nhiều phương pháp cắt cơn. Ở nước ta, những năm vừa qua các giáo sư, bác sĩ, lương y đã tìm tòi, sáng tạo ra những phương pháp cai nghiện phù hợp với Việt Nam như:

**\* Phương pháp cắt ngang (phương pháp không dùng thuốc):**

- Không cho người nghiện dùng bất kì loại thuốc thay thế nào và cách li người nghiện với môi trường xã hội.

- Tổ chức nuôi dưỡng tập trung, chăm sóc giáo dục họ lấy lại lòng tin, nghị lực để vượt qua những khó khăn của hội chứng cai nghiện.

- Kết hợp với xoa bóp và châm cứu: Phương pháp này thường làm cho người nghiện đau đớn về thể xác.

**\* Phương pháp dùng thuốc**

*Phương pháp gây ngủ kéo dài:*

- Cách li người nghiện với môi trường nghiện hút.

- Dùng thuốc an thần cho người nghiện ngủ dài ngày (thường là 7 ngày).

Các cơn đau chỉ xảy ra trong cơn mê.

- Kết hợp với xoa bóp và châm cứu.

*Phương pháp đông tây y kết hợp:*

Dùng các biện pháp vật lí trị liệu, xoa bóp, xông hơi, châm cứu, thể dục... kết hợp với thuốc bổ sung tĩnh mạch.

Nói chung các phương pháp cắt cơn chỉ có tác dụng từ 15- 20% trong một ngày cho một người nghiện từ bỏ hẳn ma túy sau khi cai nghiện. Còn lại từ 80- 85% người nghiện phải tiếp tục được phục hồi chức năng sinh lí và hòa nhập vào cộng đồng tại các trung tâm cai nghiện hoặc tại cộng đồng.

**\* Phục hồi các chức năng sinh lí**

Người nghiện sau khi cắt cơn còn rất yếu ớt, cả thể xác lẫn tinh thần. Cần quan tâm và tiếp tục giúp đỡ họ tự rèn luyện, phục hồi các chức năng, như tập thể dục theo bài, lao động nhẹ, tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí, từng bước cho họ tiếp xúc với xã hội, người nhà, bạn bè... để họ dần dần trở lại cuộc sống bình thường.

## D. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Thế nào là lạm dụng ma túy và các CGN?

Câu 2. Nghiện ma túy là gì? Cách nhận biết người nghiện ma túy?

Câu 3. Hội chứng đói thuốc là gì? Hội chứng đói thuốc có đặc điểm gì và tác động đến sức khỏe con người như thế nào? Mối liên quan giữa lạm dụng ma túy, nghiện và HCĐT.

Câu 4. Anh (chị) hãy tóm tắt cơ chế cai nghiện.

Câu 5. Theo anh (chị) người nghiện có thể cai nghiện được không? Bằng cách nào?

Câu 6. Nêu một tình huống thực tế trong cuộc sống hoặc dạy học của anh (chị) có liên quan đến vấn đề lạm dụng ma túy dẫn đến nghiện ma túy và giải pháp của bạn.

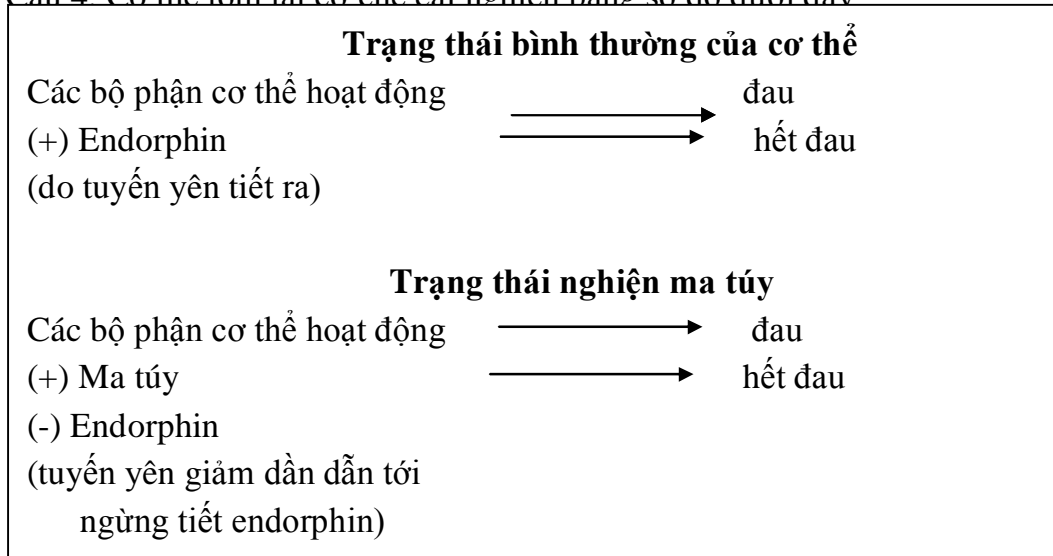
### THÔNG TIN PHẢN HỒI CHO CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy xem thông tin phần nội dung để trả lời.

Câu 2. Hãy xem thông tin phần nội dung để trả lời.

Câu 3. Hãy xem thông tin phần nội dung để trả lời.

Câu 4. Có thể tóm tắt cơ chế cai nghiện bằng sơ đồ dưới đây:



<b>Khi cai nghiện ma túy</b>		
Các bộ phận cơ thể hoạt động	—————▶	đau
<b>Giai đoạn 1:</b>		
(-) Ma túy	—————▶	vẫn rất đau
(-) Endorphin		
(tuyến yên vẫn ngừng tiết)		
5-10 ngày		
<b>Giai đoạn 2:</b>		
(-) Ma túy	—————▶	dần dần bớt đau
(+) Endorphin		
(tuyến yên bắt đầu tiết endorphin trở lại và trở về trạng thái bình thường)		
(+) thuốc trợ giúp		
<i>Ghi chú:</i> dấu (+): tăng thêm; dấu (-): giảm đi		

Câu 5. Hãy ghi ý kiến cá nhân của anh (chị) vào vở học tập và trao đổi với đồng nghiệp: Có thể cai nghiện được không? Bằng cách nào?

Câu 6. Anh (chị) có thể ghi các tình huống vào vở học tập và thảo luận với đồng nghiệp để có phương án giải quyết.

# **BÀI 4**

## **NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC HẠI CỦA VIỆC LẠM DỤNG, NGHIỆN MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN**

---

**Số tiết :** 4 (2LT, 2 TL)

### **A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

*Sau khi học xong bài này, học viên cần đạt được các mục tiêu sau:*

#### **I. Kiến thức**

- Nêu được những nguyên nhân dẫn tới việc lạm dụng, nghiện ma túy và các CGN.
- Trình bày được những tác hại của việc lạm dụng, nghiện ma túy và các CGN.

#### **II. Kỹ năng**

- Kiên định tránh xa ma túy và có các quyết định đúng đắn đối với những vấn đề có liên quan tới ma túy.
- Giải thích, phân tích, khuyên nhủ mọi người thấy được tác hại của ma túy và các CGN.

#### **III. Thái độ**

Tích cực trong phòng chống lạm dụng ma túy và các CGN.

### **B. CÁC PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ DẠY VÀ HỌC**

Băng hình, tranh ảnh về tác hại của ma túy

### **C. NỘI DUNG**

*Nội dung chính:*

- Nguyên nhân lạm dụng, nghiện ma túy và chất gây nghiện.

- Tác hại của ma túy
  - Đối với cá nhân và gia đình.
  - Đối với xã hội.
- Cách từ chối ma túy và chất gây nghiện.

## **I. NGUYÊN NHÂN LẠM DỤNG, NGHIỆN MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN**

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nghiện ma túy và các CGN là do:

- Sử dụng thuốc có chứa chất ma túy không theo sự chỉ định của thầy thuốc.

- Thiếu hiểu biết về ma túy và các CGN.
- Tò mò, đua đòi.
- Bế tắc trong cuộc sống.
- Để giải trí, có thành tích thể thao cao.
- Tập quán địa phương.
- Sự gia tăng của thị trường ma túy.
- Bị rủ rê, lừa gạt, bị ép buộc.
- Thiếu sự quan tâm của gia đình và xã hội.
- Các nguyên nhân khác.

## **II. TÁC HẠI CỦA MA TÚY**

### **1. Tác hại của ma túy đối với cá nhân và gia đình người nghiện**

- Ảnh hưởng đến sức khỏe:
  - + Rối loạn sinh lí (tiêu hóa, tuần hoàn, hô hấp,...).
  - + Tai biến do tiêm chích, nhiễm HIV/AIDS, viêm gan B, C.
  - + Các bệnh nhiễm khuẩn kèm theo: ghẻ, lở.
- Ảnh hưởng đến nhân cách và đạo đức người nghiện:
  - + Giảm sút nhân cách: luôn thấy cuộc đời bế tắc, âu sầu, bi quan về sức khỏe, sống gấp không mục đích.
  - + Suy thoái đạo đức: thường xuyên xung đột với gia đình, ly hôn, lang thang, bụi đời, cướp giật, mãi dâm, giết người...

- + Có thể dẫn tới khánh kiệt về kinh tế.
- + Hạnh phúc gia đình bị tan vỡ.
- + Đi tù

## **2. Tác hại đối với xã hội**

- Ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội:
  - + Trật tự an toàn xã hội bị đe dọa: buôn lậu, cờ bạc, mại dâm, trộm cắp, cướp giết, tai nạn giao thông.
  - + Một trong những nguyên nhân lây truyền HIV/AIDS.
- Ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế xã hội:
  - + Xã hội chịu tổn kém tiền của để chạy chữa cho người nghiện.
  - + Hàng vạn người bám sống vào xã hội, là gánh nặng của xã hội.

## **III. CÁCH TỪ CHỐI MA TÚY**

### **1. Kỹ năng ra quyết định**

Mỗi ngày, mỗi người đều phải ra nhiều quyết định, có những quyết định tương đối đơn giản và có thể không ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe, định hướng cuộc sống nhưng cũng có những quyết định nghiêm túc liên quan đến các mối quan hệ, tương lai cả cuộc đời...

Trong mỗi tình huống thường có nhiều sự lựa chọn để giải quyết. Mỗi người phải lựa chọn để đề ra một quyết định nhưng đồng thời cũng phải ý thức được các tình huống có thể xảy ra do sự lựa chọn của mình. Do vậy, điều quan trọng cần làm là phải lường được những hậu quả trước khi ra quyết định và có quyết định hợp lý nhất.

### **2. Kỹ năng kiên định**

Học cách từ chối điều mình không muốn làm.

Trong cuộc sống, chúng ta cần có các thái độ khác nhau khi muốn từ chối điều mình không thích.

Bạn chọn cách thể hiện thái độ nào sau đây để từ chối điều mình không thích, tránh được sức ép của bạn bè đối với những hành vi gây hại cho sức khỏe do sử dụng ma túy?

- Hiếu thắng: Luôn chỉ nghĩ đến quyền và nhu cầu của bản thân mình, không tính đến quyền và nhu cầu của người khác. Họ luôn muốn mọi người phải phục tùng mình bất kể điều đó đúng hay sai.

- Phục tùng: Thể hiện sự phụ thuộc bị động tới mức coi quyền và nhu cầu của người khác là trên hết, quên đi quyền và nhu cầu của mình bất kể điều đó là hợp lý.

- Kiên định: Là kỹ năng thực hiện bằng được những gì mà mình muốn hoặc từ chối những gì mình không muốn với sự tôn trọng, có xem xét tới nhu cầu và quyền của người khác với nhu cầu và quyền của mình một cách đúng mực.

#### **D. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ**

Câu 1. Nguyên nhân của việc lạm dụng, nghiện ma túy và CGN là gì?

Câu 2. Nêu tác hại của ma túy đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

Câu 3. Nêu cách từ chối ma túy và CGN. Cho ví dụ.

#### ***THÔNG TIN PHẢN HỒI CHO CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ***

Câu 1. Hãy xem thông tin phần nội dung để trả lời.

Câu 2. Hãy xem thông tin phần nội dung để trả lời.

Câu 3. Hãy xem thông tin phần nội dung để trả lời.



# BÀI 5

## MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP CHẾ VÀ GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY TRONG TRƯỜNG HỌC

---

**Số tiết :** 4 (2LT, 2TL)

### A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

*Sau khi học xong bài này, học viên cần đạt được các mục tiêu sau:*

#### I. Kiến thức

- Nêu được một số tội phạm về ma túy được qui định trong Bộ luật Hình sự.
- Nêu được những qui định của Luật PCMT về trách nhiệm của nhà trường và các cơ sở giáo dục trong PCMT.
- Nêu được những qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về PCMT trong trường học.

#### II. Kỹ năng

- Bước đầu phân biệt được một số loại tội phạm về ma túy.
- Cách xử lý đối với những HSSV có sai phạm về ma túy.

#### III. Thái độ

Đồng tình và quyết tâm thực hiện những chủ trương về giáo dục PCMT trong trường học.

### B. CÁC PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ DẠY VÀ HỌC

1. Bộ luật Hình sự.
2. Qui định về xử lý người học có liên quan đến tệ nạn ma túy.

### C. NỘI DUNG

### ***Nội dung chính:***

- Những quy định của Nhà nước đối với “các tội phạm về ma túy”.
- Trách nhiệm của nhà trường và các cơ sở giáo dục trong phòng chống ma túy.
- Những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục phòng chống ma túy trong trường học.

## **I. NHỮNG QUI ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI “CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY”**

### **Chương XVIII**

#### **CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY**

(Trích Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 4/1/2000 – NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000)

#### **Điều 192. Tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy**

1. Người nào trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy, đã được giáo dục nhiều lần, đã được tạo điều kiện để ổn định cuộc sống và đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến bảy năm:

a) Có tổ chức;

b) Tái phạm tội này.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

#### **Điều 193. Tội sản xuất trái phép chất ma túy**

1. Người nào sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội nhiều lần;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao cô ca có trọng lượng từ năm trăm gam đến dưới một kilôgam;
- e) Heroin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam;
- h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ một trăm mililit đến dưới hai trăm năm mươi mililit.
- i) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm đ đến điểm h khoản 2 Điều này;
- k) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:

- a) Có tính chất chuyên nghiệp;
- b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao cô ca có trọng lượng từ một kilôgam đến dưới năm kilôgam;
- c) Heroin hoặc côcain có trọng lượng từ ba mươi gam đến dưới một trăm gam;
- d) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam;

đ) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ hai trăm năm mươi mililit đến dưới bảy trăm năm mươi mililit;

e) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm đ khoản 3 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ năm kilôgam trở lên;

b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên;

c) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên;

d) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ bảy trăm năm mươi mililit trở lên;

đ) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm d khoản 4 Điều này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

#### **Điều 194. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy**

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội nhiều lần;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;
- e) Sử dụng trẻ em vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho trẻ em;
- g) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ năm trăm gam đến dưới một kilôgam;
- h) Heroin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam;
- i) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ mười kilôgam đến dưới hai mươi lăm kilôgam;
- k) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ năm mươi kilôgam đến dưới hai trăm kilôgam;
- l) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ mười kilôgam đến dưới năm mươi kilôgam;
- m) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam;
- n) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ một trăm mililit đến dưới hai trăm năm mươi mililit;
- o) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản 2 Điều này;
- p) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ một kilôgam đến dưới năm kilôgam;
- b) Heroin hoặc côcain có trọng lượng từ ba mươi gam đến dưới một trăm gam;

- c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ hai mươi lăm kilôgam đến dưới bảy mươi lăm kilôgam;
- d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ hai trăm kilôgam đến dưới sáu trăm kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ năm mươi kilôgam đến dưới một trăm năm mươi kilôgam;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ hai trăm năm mươi mililít đến dưới bảy trăm năm mươi mililít;
- h) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 3 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ năm kilôgam trở lên;
- b) Herôin hoặc côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên;
- c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ bảy mươi lăm kilôgam trở lên;
- d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ sáu trăm kilôgam trở lên;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ một trăm năm mươi kilôgam trở lên;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ bảy trăm năm mươi mililít trở lên;
- h) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 Điều này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

**Điều 195. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy**

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ một năm đến sáu năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ sáu năm đến mười ba năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội nhiều lần;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Tiền chất có trọng lượng từ hai trăm gam đến dưới năm trăm gam;

e) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội trong trường hợp tiền chất có trọng lượng từ năm trăm gam đến dưới một nghìn hai trăm gam, thì bị phạt tù từ mười ba năm đến hai mươi năm.

4. Phạm tội trong trường hợp tiền chất có trọng lượng từ một nghìn hai trăm gam trở lên, thì bị phạt tù hai mươi năm hoặc tù chung thân.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

**Điều 196. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy**

1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội nhiều lần;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Vật phạm pháp có số lượng lớn;
- e) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;
- g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

### **Điều 197. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a) Phạm tội nhiều lần;
- b) Đối với nhiều người;
- c) Đối với người chưa thành niên từ đủ 13 tuổi trở lên;
- d) Đối với phụ nữ mà biết là đang có thai;
- đ) Đối với người đang cai nghiện;
- e) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%;



g) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;

h) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc gây chết người;

b) Gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%;

c) Gây bệnh nguy hiểm cho nhiều người;

d) Đối với trẻ em dưới 13 tuổi.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên;

b) Gây chết nhiều người hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

### **Điều 198. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy**

1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

b) Phạm tội nhiều lần;

c) Đối với trẻ em;

d) Đối với nhiều người;

đ) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

### **Điều 199. Tội sử dụng trái phép chất ma túy**

1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, đã được giáo dục nhiều lần và đã bị xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc mà còn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Tái phạm tội này thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm.

### **Điều 200. Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy**

1. Người nào cưỡng bức hoặc lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội nhiều lần;

c) Vì động cơ đê hèn;

d) Đối với người chưa thành niên từ đủ 13 tuổi trở lên;

đ) Đối với phụ nữ mà biết là đang có thai;

e) Đối với nhiều người;

g) Đối với người đang cai nghiện;

h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%;

i) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;

k) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm :

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc gây chết người;

b) Gây bệnh nguy hiểm cho nhiều người;

c) Đối với trẻ em dưới 13 tuổi.

4. Phạm tội trong trường hợp gây chết nhiều người hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù hai mươi năm hoặc tù chung thân.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng.

**Điều 201. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác**

1. Người nào có trách nhiệm trong việc xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, vận chuyển, bảo quản, phân phối, cấp phát, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác mà vi phạm quy định về quản lý, sử dụng các chất đó, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng hoặc bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội nhiều lần;

c) Gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Phạm tội trong trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm.

4. Phạm tội trong trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù hai mươi năm hoặc tù chung thân.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

## **II. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ TRƯỜNG VÀ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRONG PHÒNG CHỐNG MA TÚY**

Trách nhiệm của nhà trường và các cơ sở giáo dục trong phòng chống ma túy được quy định tại điều 10 Luật PCMT:

**Điều 10.** Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tệ nạn ma túy;
2. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy;
3. Phối hợp với cơ quan y tế và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên nghiện ma túy.

## **III. NHỮNG QUI ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VỀ GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY TRONG TRƯỜNG HỌC**

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**Ban hành Quy định về việc xử lý người học có liên quan đến tệ nạn ma túy**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

- Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;
- Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Quyết định số 49/2005/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Kế hoạch tổng thể phòng, chống ma túy đến năm 2010";
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công tác học sinh, sinh viên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc xử lý người học có liên quan đến tệ nạn ma túy.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Công tác học sinh, sinh viên; thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; giám đốc sở giáo dục và đào tạo; giám đốc đại học, học viện; hiệu trưởng trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Nguyễn Thiện Nhân**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về việc xử lý người học có liên quan đến tệ nạn ma túy**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BGDĐT ngày 25/10/2006*

*của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định các nguyên tắc, hình thức, thủ tục và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xử lý người học có liên quan đến tệ nạn ma túy.
2. Văn bản này áp dụng đối với thí sinh trúng tuyển đang làm thủ tục nhập học vào các cơ sở giáo dục; học sinh, sinh viên, học viên đang học tại các đại học, học viện, trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục phổ thông (dưới đây gọi tắt là người học);

##### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất ma túy* là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành;
2. *Chất gây nghiện* là chất kích thích, ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng;
3. *Chất hướng thần* là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng;
4. *Người học nghiện ma túy* là người học sử dụng chất ma túy, chất gây nghiện, chất hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này;
5. *Tệ nạn ma túy* là tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy;

6. Phòng, chống ma túy là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tệ nạn ma túy và kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

**Điều 3. Nguyên tắc xem xét, xử lý người học có liên quan đến tệ nạn ma túy**

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng người, đúng vi phạm, đúng pháp luật;
2. Phân biệt trường hợp tự giác khai báo với trường hợp cố tình vi phạm, trốn tránh;
3. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của người học trong quá trình xem xét xử lý; cấm áp dụng biện pháp phạt tiền thay cho hình thức kỷ luật;
4. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

**Chương II**

**HÌNH THỨC XỬ LÝ NGƯỜI HỌC CÓ LIÊN QUAN  
ĐẾN TỆ NẠN MA TUÝ**

**Điều 4. Trường hợp người học vi phạm quy định về sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, mua bán, tổ chức sử dụng, lôi kéo, cưỡng bức người khác sử dụng ma túy**

1. Nếu là người đang làm thủ tục nhập học thì thu hồi giấy triệu tập, thông báo cho gia đình và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;
2. Nếu là học sinh, sinh viên, học viên đang học trong các cơ sở giáo dục thì kỷ luật buộc thôi học, thông báo cho gia đình và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Trường hợp người học nghiện ma túy**

1. Nếu là người đang làm thủ tục nhập học thì thu hồi giấy triệu tập, thông báo cho gia đình và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tổ chức cai nghiện.
2. Nếu là học sinh, sinh viên, học viên đang học trong các cơ sở giáo dục thì:
  - a) Kỷ luật đình chỉ học tập một năm trả về gia đình để phối hợp tổ chức cai nghiện đối với trường hợp không tự giác khai báo;

b) Cho nghỉ học một năm trả về gia đình để phối hợp tổ chức cai nghiện đối với trường hợp tự giác khai báo.

**Điều 6. Trường hợp người học mới sử dụng ma túy mà chưa nghiện**

1. Nếu tự giác khai báo thì không kỷ luật mà nhà trường tổ chức giáo dục;
2. Nếu bị phát hiện sử dụng ma túy sẽ bị kỷ luật cảnh cáo và nhà trường tổ chức giáo dục;
3. Trường hợp tái sử dụng ma túy:
  - a) Lần thứ nhất: Đình chỉ học tập một năm;
  - b) Lần thứ hai: Buộc thôi học.

**Chương III**

**THỦ TỤC XỬ LÝ**

**Điều 7. Thủ tục xử lý kỷ luật**

Thủ tục xử lý kỷ luật đối với người học có liên quan đến sử dụng ma túy được áp dụng theo quy định tại Quy chế công tác học sinh, sinh viên và quy định về xét kỷ luật đối với học sinh ở các cơ sở giáo dục phổ thông.

**Điều 8. Thủ tục xử lý đối với người tự giác khai báo**

1. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Quy định này thì thủ tục xử lý thực hiện như sau :
  - a) Người học nghiện ma túy làm bản tường trình về tình trạng nghiện của mình và đơn xin nghỉ học để cai nghiện; lớp học tổ chức góp ý kiến cho người học nghiện ma túy với sự chủ trì của giáo viên chủ nhiệm;
  - b) Hiệu trưởng ra quyết định cho nghỉ học một năm và giao người học nghiện ma túy cho gia đình để cai nghiện.
2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này thì thủ tục xử lý thực hiện như sau:
  - a) Người học viết bản tường trình về việc sử dụng ma túy của mình, bản cam đoan không tái sử dụng ma túy có xác nhận của gia đình;
  - b) Lớp học tổ chức góp ý kiến với sự chủ trì của giáo viên chủ nhiệm;
  - c) Giáo viên chủ nhiệm lớp phối hợp với chi đoàn học sinh, sinh viên (đối với học sinh, sinh viên, học viên đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp



chuyên nghiệp) hoặc ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp (đối với học sinh phổ thông) phân công người giúp đỡ người vi phạm;

d) Nhà trường phối hợp tổ chức kiểm tra sức khỏe của người học khi có dấu hiệu sử dụng ma túy. Nếu phát hiện thấy tái sử dụng ma túy thì xử lý như quy định tại khoản 3 Điều 6.

### **Điều 9. Thủ tục xét học tiếp**

1. Đối với trường hợp kỷ luật đình chỉ học tập một năm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 3 Điều 6 của Quy định này:

a) Trước khi hết hạn kỷ luật từ 20 đến 30 ngày, người bị kỷ luật phải gửi đến Hội đồng kỷ luật của cơ sở giáo dục các loại giấy tờ sau:

- Đơn xin xóa kỷ luật có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi cư trú của gia đình;
- Bản xác nhận không nghiện của cơ sở cai nghiện hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;
- Bản cam đoan của gia đình về việc tiếp tục theo dõi, phối hợp giáo dục người học không tái nghiện.

b) Hội đồng kỷ luật của cơ sở giáo dục xem xét và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định tiếp nhận người học vào học tiếp đồng thời cử người theo dõi, giúp đỡ người học phòng ngừa tái nghiện;

c) Nhà trường phối hợp tổ chức kiểm tra sức khỏe của người học khi có dấu hiệu sử dụng ma túy. Nếu phát hiện có sử dụng ma túy thì Hiệu trưởng nhà trường quyết định kỷ luật buộc thôi học.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của bản Quy định này:

a) Trước khi hết hạn cai nghiện từ 20 đến 30 ngày, người được nghỉ học để cai nghiện phải gửi đến cơ sở giáo dục các loại giấy tờ sau:

- Đơn xin học tiếp;
- Bản xác nhận không nghiện của cơ sở cai nghiện hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;

- Bản cam đoan của gia đình về việc tiếp tục theo dõi, phối hợp giáo dục người học không tái nghiện.

b) Hiệu trưởng xem xét ra quyết định tiếp nhận người học vào học tiếp đồng thời cử người theo dõi, giúp đỡ người học phòng ngừa tái nghiện.

c) Nhà trường phối hợp tổ chức kiểm tra sức khỏe của người học khi có dấu hiệu sử dụng ma túy. Nếu phát hiện có sử dụng ma túy thì Hiệu trưởng nhà trường quyết định kỷ luật buộc thôi học.

#### **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo**

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xây dựng cơ chế phối hợp xử lý người học vi phạm tệ nạn ma túy, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục thực hiện việc xử lý người học liên quan đến tệ nạn ma túy tại địa phương;
2. Chỉ đạo, kiểm tra các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức các hoạt động phòng, chống ma túy và xử lý người học liên quan đến tệ nạn ma túy, theo phân cấp quản lý;
3. Tổ chức thống kê tình hình người học liên quan đến tệ nạn ma túy tại địa phương và thực hiện việc báo cáo theo quy định.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục**

1. Tổ chức các hoạt động phòng, chống ma túy theo chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục và của chính quyền địa phương;
2. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh;
3. Tổ chức khám sức khỏe cho người học khi tuyển sinh, khi phát hiện có sử dụng ma túy và định kỳ theo quy định;
4. Lập hồ sơ theo dõi các trường hợp liên quan đến tệ nạn ma túy trong người học;
5. Kịp thời tổ chức tiếp nhận người học sau cai nghiện; bảo lưu kết quả học tập trước khi cai nghiện của người học;

6. Phân công các tổ chức, cá nhân theo dõi, giúp đỡ người học liên quan đến tệ nạn ma túy;
7. Chủ động phối hợp với gia đình người học và các cơ quan liên quan để xử lý người học có liên quan đến tệ nạn ma túy.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Chế độ báo cáo**

Các sở giáo dục và đào tạo, các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dự bị đại học, trung cấp chuyên nghiệp thực hiện việc báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp.

1. Báo cáo định kỳ với thời gian cụ thể như sau:

- a) Báo cáo tháng vào ngày 25 hàng tháng;
- b) Báo cáo quý vào tuần cuối của tháng ba và tháng chín hàng năm;
- c) Báo cáo sáu tháng vào cuối tháng sáu và cuối tháng mười hai hàng năm.

2. Báo cáo đột xuất ngay với Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp khi có sự việc phức tạp xảy ra.

#### **Điều 13. Khen thưởng**

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc phát hiện, tố giác, xử lý người học liên quan đến tệ nạn ma túy được đề nghị khen thưởng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về xử lý người học liên quan đến tệ nạn ma túy sẽ bị kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; nếu vi phạm gây thiệt hại về vật chất thì phải đền bù theo quy định.

#### **Điều 15. Khiếu nại, tố cáo**

Người học liên quan đến tệ nạn ma túy và mọi công dân có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo. Người khiếu nại, tố cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 16. Trách nhiệm tổ chức kiểm tra và tổng hợp tình hình**

Vụ trưởng Vụ Công tác học sinh, sinh viên tổ chức kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này./.

**BỘ TRƯỞNG**  
(Đã ký)  
**Nguyễn Thiện Nhân**

#### **D. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ**

Câu 1. Anh (chị) hãy nghiên cứu một số tội phạm về ma túy và khung hình phạt kèm theo trong Bộ luật Hình sự, ghi chép tóm tắt kết quả theo khung gợi ý dưới đây và cho ví dụ minh họa.

**Bộ luật Hình sự ban hành ngày 4 tháng 1 năm 2000 quy định các tội và khung hình phạt về ma túy**

<b>TT</b>	<b>Tội</b>	<b>Khung hình phạt</b>
1	Tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chất ma túy (Điều 192)	Từ ... đến 7 năm tù
2		
3		
4		
...		

Câu 2. Trường của anh (chị) có tổ chức các hoạt động GDPCMT không? Nếu có thì ai chịu trách nhiệm? Nội dung giáo dục là gì?

Câu 3. Hãy tóm tắt các quy định về việc xử lý HS, SV sử dụng ma túy (Theo Quy định về việc xử lý người học có liên quan đến tệ nạn ma túy) (Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### **THÔNG TIN PHẢN HỒI CHO CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Bộ luật Hình sự ban hành ngày 4 tháng 1 năm 2000 quy định các tội và khung hình phạt về ma túy**

<b>TT</b>	<b>Tội</b>	<b>Khung hình phạt</b>
-----------	------------	------------------------

1	Tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chất ma túy (Điều 192)	Từ 6 tháng đến 7 năm tù
2	Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 193)	Từ 2 năm tù đến tử hình
3	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (Điều 194)	Từ 2 năm tù đến tử hình
4	Tội tàng trữ, vận chuyển hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 195)	Từ 1 năm tù đến tù chung thân
5	Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các phương tiện, dụng cụ vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 196)	Từ 1 năm đến 10 năm tù
6	Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197)	Từ 2 năm tù đến tử hình
7	Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 198)	Từ 2 năm đến 15 năm tù
8	Tội sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 199)	Từ 3 tháng đến 5 năm tù
9	Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 200)	Từ 2 năm tù đến tù chung thân
10	Tội vi phạm qui định về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác (Điều 201)	Từ 1 năm tù đến tù chung thân

(Lược trích chương XVIII – Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000)

Câu 2. Anh (chị) có thể tham khảo cách tổ chức các hoạt động giáo dục PCMT của một trường trong bảng dưới đây:

<b>TT</b>	<b>Nội dung giáo dục PCMT</b>	<b>Tổ chức ở đâu</b>	<b>Người chịu trách nhiệm</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Tình hình tệ nạn ma túy	Sinh hoạt đầu tuần	Đoàn Thanh niên	
2	Hiểu thế nào là ma túy và CGN	Ngoại khóa	GV chủ nhiệm và cả lớp	
3	Cơ chế gây nghiện	Trong chương trình hoạt động nội khóa môn Sinh học	GV dạy Sinh học và HS	
4	Tìm hiểu nguyên nhân và tác hại của nghiện ma túy	Tổ chức các cuộc thi tích hợp vào các hoạt động ngoài giờ lên lớp		
5	Quy định của nhà nước và nhà trường về giáo dục PCMT	Trong hoạt động ngoại khóa	Giáo dục pháp luật về PCMT	
6	Quản lý, ngăn chặn HS vi phạm tệ nạn ma túy	Tích hợp môn Giáo dục công dân, hoạt động ngoại khóa	Phối hợp giữa gia đình, nhà trường và địa phương	

Câu 3. Tóm tắt các quy định về việc xử lý người học có liên quan đến tệ nạn ma túy (Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

<b>Vi phạm</b>	<b>Hình thức xử lý</b>
1. Người học vi phạm quy định về sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, mua bán, tổ chức sử dụng, lôi kéo, cưỡng bức người khác sử dụng ma túy	Nếu là người đang làm thủ tục nhập học thì thu hồi giấy triệu tập, thông báo cho gia đình và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;
	Nếu là học sinh, sinh viên, học viên đang

	<p>học trong các cơ sở giáo dục thì kỷ luật buộc thôi học, thông báo cho gia đình và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
2. Trường hợp người học nghiện ma túy	<p>Nếu là người đang làm thủ tục nhập học thì thu hồi giấy triệu tập, thông báo cho gia đình và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tổ chức cai nghiện.</p>
	<p>Nếu là học sinh, sinh viên, học viên đang học trong các cơ sở giáo dục thì:</p> <p>a) Kỷ luật đình chỉ học tập một năm trả về gia đình để phối hợp tổ chức cai nghiện đối với trường hợp không tự giác khai báo;</p> <p>b) Cho nghỉ học một năm trả về gia đình để phối hợp tổ chức cai nghiện đối với trường hợp tự giác khai báo.</p>
3. Trường hợp người học mới sử dụng ma túy mà chưa nghiện	<p>Nếu tự giác khai báo thì không kỷ luật mà nhà trường tổ chức giáo dục;</p>
	<p>Nếu bị phát hiện sử dụng ma túy sẽ bị kỷ luật cảnh cáo và nhà trường tổ chức giáo dục;</p>
4. Trường hợp tái sử dụng ma túy:	<p>Lần thứ nhất: Đình chỉ học tập một năm;</p>
	<p>Lần thứ hai: Buộc thôi học.</p>

# BÀI 6

## GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN TRONG TRƯỜNG THCS

---

**Số tiết:** 4 (2LT, 2TL)

### A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

*Sau khi học xong bài này, học viên cần đạt được các mục tiêu sau:*

#### I. Kiến thức

- Nêu được mục tiêu của giáo dục PCMT và CGN trong trường THCS.
- Trình bày được phương pháp giáo dục PCMT và CGN cho HS THCS.
- Nêu được các hình thức giáo dục PCMT và CGN trong trường THCS.

#### II. Kỹ năng

Vận dụng được một số phương pháp, hình thức giáo dục PCMT và CGN trong trường THCS.

#### III. Thái độ

Xác định trách nhiệm của GV trong giáo dục PCMT và CGN ở trường THCS.

### B. CÁC PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ DẠY VÀ HỌC

Các thông tin, tư liệu về tình hình HS sử dụng, buôn bán, vận chuyển ma túy.

### C. NỘI DUNG

#### *Nội dung chính:*

- Phương hướng chung.
- Mục tiêu GDPCMT và CGN ở trường THCS.
- Nội dung GDPCMT và CGN ở trường THCS.



- Phương pháp GDPCMT và CGN.
- Hình thức GDPCMT và CGN.

## **I. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG**

- GDPCMT là một lĩnh vực giáo dục liên ngành, không triển khai thành một môn học riêng mà tích hợp nội dung GDPCMT vào các môn học và các hoạt động của các cấp/ngành học.

- Mục tiêu, nội dung và phương pháp GDPCMT phải phù hợp với mục tiêu đào tạo của các cấp học/ngành học, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo của các cấp học/ngành học.

- GDPCMT không chỉ nhằm trang bị cho HS, SV những hiểu biết về ma túy và các chất gây nghiện, các quy định pháp chế về ma túy và các CGN mà điều quan trọng là phải giúp họ có những kiến thức, kỹ năng phòng tránh ma túy, kỹ năng hoạt động phòng chống ma túy trong nhà trường và cộng đồng phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi.

- GDPCMT phải được tiến hành qua toàn bộ chương trình giáo dục ở nhà trường được thực hiện qua các bài học trên lớp và các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Nhà trường, gia đình và cộng đồng là 3 nhân tố quan trọng đảm bảo cho sự thành công của GDPCMT. Cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong công tác GDPCMT.

## **II. MỤC TIÊU GDPCMT VÀ CGN Ở TRƯỜNG THCS**

- GDPCMT ở trường phổ thông giúp cho HS có hiểu biết cần thiết về MT và các CGN, nguyên nhân và tác hại của việc sử dụng MT và các CGN; các qui định của Nhà trường, Nhà nước liên quan đến MT và các CGN.

- Hình thành cho HS kỹ năng phòng tránh MT và không lạm dụng các CGN.

- Có thái độ và hành vi đúng đắn, sống lành mạnh, không sử dụng, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển và sản xuất MT. Đồng thời tích cực tham gia vào các hoạt động PCMT ở trường và ở địa phương.

Để đạt được mục tiêu nêu trên, ở mỗi cấp học, bậc học cần căn cứ vào nội dung chương trình mà xác định nội dung GDPCMT phù hợp.

### **III. NỘI DUNG GDPCMT VÀ CGN Ở TRƯỜNG THCS**

Các nội dung GDPCMT được nhấn mạnh:

- Tên, nguồn gốc và một vài đặc điểm chính, cơ chế và tính chất gây hại của các chất MT và CGN phổ biến.

- Tác hại của MT đối với bản thân, gia đình và xã hội.

- Cơ chế gây nghiện, cai nghiện và hội chứng đói thuốc.

- Nguyên nhân lạm dụng MT và biện pháp phòng tránh, một số phương pháp cai nghiện.

- Các điều luật về tội phạm MT trong bộ Luật Hình sự và Luật Phòng chống Ma túy của Nhà nước, các quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo, của nhà trường liên quan đến vấn đề MT và các CGN.

- Kỹ năng từ chối và khuyên nhủ người khác không sử dụng MT và CGN.

- Các hoạt động phòng chống MT.

Nội dung GDPCMT và CGN có thể tích hợp qua các môn học và các hoạt động, trong đó có khả năng nhiều hơn cả là môn Sinh học, Giáo dục công dân, Ngữ văn, Chủ đề tự chọn và Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

### **IV. PHƯƠNG PHÁP GDPCMT VÀ CGN**

Khi tiến hành GDPCMT và CGN GV cần sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như:

#### ***1. Phương pháp trình bày có sự tham gia tích cực của học sinh***

Đặc điểm: GV trình bày bài giảng trên lớp bằng cách:

+ Giới thiệu khái quát chủ đề.

- + Giải thích các điểm chính của bài.
- + Giải thích nội dung lồng ghép GDPCMT và CGN.
- + Giao bài tập cho HS.

Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

Đây là phương pháp truyền thống, GV cần kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực để HS chủ động, tích cực lĩnh hội kiến thức.

## ***2. Phương pháp giải quyết vấn đề***

Giải quyết vấn đề là kỹ năng xem xét, phân tích những vấn đề đang tồn tại và xác định các bước đưa ra các quyết định và hành động nhằm cải thiện tình hình. Khi sử dụng phương pháp này, HS có thể tìm ra cách giải quyết cho từng vấn đề cụ thể xảy ra trong cuộc sống hàng ngày trong đó có vấn đề PCMT và CGN.

Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

- + Giải quyết vấn đề đòi hỏi HS phải rèn luyện hàng loạt các kỹ năng như: giao tiếp, xác định giá trị, ra quyết định.
- + Phải kích thích được suy nghĩ sáng tạo của HS.
- + Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu và gắn với thực tế. Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp có lợi nhất.

## ***3. Phương pháp đóng vai***

Đóng vai là phương pháp thực hành ứng xử trong một môi trường giả định và được giám sát trước khi xảy ra tình huống thực nhằm gây hứng thú, chú ý đối với HS, tạo điều kiện phát triển sự sáng tạo, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ra quyết định, xác định giá trị của HS.

Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

- + Xác định rõ tính mục đích của tình huống.
- + Người đóng vai phải hiểu rõ vai mình để đóng vai thành công.

+ Không nên đặt sẵn lời thoại để “diễn viên” khi “nhập vai” thể hiện đầu óc sáng tạo, linh hoạt trong cách giải quyết tình huống.

#### ***4. Phương pháp trò chơi***

Trò chơi là một phương pháp dạy học có hiệu quả để thu hút sự tham gia của học sinh và rèn luyện kỹ năng một cách tổng hợp nhất trong các giờ dạy có tích hợp các nội dung GDPCMT và CGN. Trong khi tham gia mọi người đều bình đẳng và cố gắng. Vì vậy trò chơi còn là biện pháp hữu hiệu tăng cường hứng thú trong học tập, nâng cao sự chú ý, chống căng thẳng, mỗi một trong quá trình học tập, ngoài ra còn có tác dụng tăng cường giao tiếp, hiểu biết lẫn nhau giữa GV và HS và giữa HS với nhau.

Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

+ Phải xác định rõ mục đích, nội dung của trò chơi.

Tổ chức trò chơi có thể có các mục đích sau: khởi động, thư giãn, chuyển tải kiến thức...

+ Phải nắm vững luật chơi và biết rút ra những kết luận hữu ích qua mỗi trò chơi.

#### ***5. Phương pháp kể chuyện***

Kể chuyện là một phương pháp dạy học có hiệu quả, thông qua các câu chuyện, nội dung học tập và các nội dung giáo dục được chuyển tải cho người học.

Kết cấu và cách giải quyết vấn đề trong câu chuyện sẽ giúp người học liên hệ thực tế và vận dụng vào bản thân một cách thoải mái, làm cho quá trình học tập trở thành nhẹ nhàng, hấp dẫn và có hiệu quả rõ rệt.

Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

+ Các thể loại: truyện dân gian (truyện cười, cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn...); truyện do GV, HS sáng tác; truyện thu thập trong thực tế đời sống...

+ Có nhiều cách kể chuyện như: kể theo nhóm, kể cá nhân, kể qua sắm vai, kể truyện theo tranh, ảnh...

### **6. Phương pháp thảo luận nhóm**

Phương pháp thảo luận nhóm được sử dụng rộng rãi nhằm giúp cho tất cả HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập.

HS được trình bày và bảo vệ ý kiến của mình trước tập thể, được chia sẻ kinh nghiệm, cùng tập thể nhóm giải quyết những vấn đề đặt ra trong học tập và cuộc sống.

Phương pháp thảo luận nhóm có tác dụng phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề một cách hợp lý cho HS.

Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

+ Phân nhóm: nhóm 2, 4, 6 HS. Không nên phân nhóm quá đông HS.

+ Trong nhóm cần phân công: nhóm trưởng, thư ký. Các thành viên trong nhóm luân phiên làm nhóm trưởng, thư ký.

+ Không nên tổ chức nhóm cố định.

+ Trong hoạt động nhóm cần lưu ý giúp đỡ các HS yếu, kém.

### **7. Phương pháp lập đề án**

Phương pháp này có thể được vận dụng dưới nhiều hình thức. Có thể là HS xây dựng một kế hoạch học tập PCMT và CGN thông qua việc làm, tạo cơ hội rèn luyện những kỹ năng như: đặt và giải quyết vấn đề, giao tiếp, quyết định...

Các bước tiến hành:

+ Xác định mục tiêu.

+ Xác định cách thức để đạt được các mục tiêu đề ra.

+ Xác định người tham gia.

- + Tổ chức thực hiện.
- + Đánh giá kết quả.
- + Ứng dụng vào học tập, vào đời sống.

## **V. HÌNH THỨC GDPCMT VÀ CGN**

Giáo dục PCMT và CGN thực hiện thông qua 2 hình thức:

### *1. Nội khóa*

Tích hợp nội dung PCMT và CGN qua các môn học, đặc biệt các môn học có liên quan trực tiếp và gián tiếp như: Sinh học, Giáo dục công dân, Ngữ văn, Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Hóa học...

Thực chất việc tích hợp GDPCMT và CGN là việc dạy học gắn với cuộc sống với hoạt động xã hội của HS nhằm phục vụ những nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong khi tích hợp GDPCMT và CGN cần chú ý:

- Đảm bảo nội dung kiến thức cơ bản của môn học, tiết học.
- Đảm bảo thời gian của tiết học, không vì tích hợp GDPCMT và CGN mà kéo dài tiết học, ảnh hưởng đến thời gian nghỉ giữa các tiết học của GV và HS.
- Tiến hành một cách tự nhiên, không gò bó, không khiên cưỡng. Vì vậy việc tích hợp có thể được tiến hành theo các mức độ khác nhau:
  - \* Mức độ 1: Nội dung GDPCMT và CGN trùng hoàn toàn hay trùng phần lớn nội dung bài học.
  - \* Mức độ 2: Một số đơn vị tri thức của nội dung GDPCMT và CGN được đưa vào nội dung bài học và trở thành một bộ phận của bài học.
  - \* Mức độ 3: Liên hệ nội dung bài học với nội dung GDPCMT và CGN.

### *2. Ngoại khóa*

#### **2.1. Tổ chức thi tìm hiểu về tệ nạn ma túy và chất gây nghiện**

Hội thi chỉ thành công khi được chuẩn bị chu đáo.

Cụ thể, cần chuẩn bị:

- + GV phổ biến nội dung thi tìm hiểu, nêu mục đích yêu cầu.
- + GV chuẩn bị 15-20 câu hỏi về MT và CGN. Có thể cho HS đọc trước để chuẩn bị câu trả lời.
- + Hướng dẫn HS sưu tầm sách báo, đọc thêm thông tin, những qui định pháp luật liên quan đến MT và CGN.

Chuẩn bị:

- + Trang trí: ảnh Bác, cờ Đoàn (Đội), khẩu hiệu, khăn trải bàn,...
- + Chuẩn bị các giải thưởng.
- + Chuẩn bị một số tiết mục văn nghệ.
- + Thành lập Ban tổ chức và Ban giám khảo hội thi.

## ***2.2. Điều tra về tình hình tệ nạn MT và CGN ở địa phương***

- + Giúp HS có ý thức quan tâm tới những người trong gia đình và hàng xóm.
- + Phát hiện được những vấn đề liên quan đến sức khỏe, kinh tế, hạnh phúc của những người nghiện rượu hoặc nghiện ma túy (nếu có).
- + Nhận biết được nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn MT và CGN nếu như có người mắc phải.
- + Đưa ra những khuyến nghị đối với gia đình, hàng xóm để xây dựng môi trường sống lành mạnh.
- + Điều cần lưu ý là GV cần yêu cầu HS làm báo cáo kết quả điều tra (GV nên hướng dẫn mẫu báo cáo) thì việc điều tra mới không hình thức và mang lại hiệu quả giáo dục cao.

## ***2.3. Tổ chức cho học sinh viết, vẽ về chủ đề ma túy và chất gây nghiện***

Giúp HS thấy rõ hơn nguyên nhân, tác hại của tệ nạn MT, CGN và thể hiện ước mơ, nguyện vọng về cuộc sống không có ma túy bằng các sáng tác của mình.

## ***2.4. Tổ chức biểu diễn tiểu phẩm giáo dục phòng chống MT và CGN***

Giúp học sinh củng cố những hiểu biết về MT và CGN; thấy rõ hơn nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn ma túy; lựa chọn cách ứng xử khôn khéo trong các tình huống xảy ra trong cuộc sống.

### **D. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ**

Câu 1. Có cần thiết phải giáo dục PCMT và CGN cho HS THCS không? Vì sao?

Câu 2. Mục tiêu giáo dục PCMT ở trường THCS là gì?

Câu 3. Vai trò và trách nhiệm của GV trong công tác giáo dục PCMT và CGN qua môn học, qua công tác chủ nhiệm, qua các hoạt động ngoại khóa.

Câu 4. Theo anh (chị), phương pháp dạy học nào có thể sử dụng hiệu quả nhất trong GDPCMT ở THCS, cho ví dụ.

Câu 5. Anh (chị) đã, đang hoặc sẽ sử dụng các hình thức nào để tiến hành GDPCMT trong thực tế? Cho ví dụ cụ thể.

Câu 6. Anh (chị) hãy thiết kế một bài học và xây dựng kế hoạch GDPCMT và CGN trong trường THCS.

### ***THÔNG TIN PHẢN HỒI CHO CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ***

Câu 1. Cần thiết phải đưa nội dung GDPCMT và CGN vào chương trình giáo dục ở các trường THCS vì:

- Hiện nay ở nước ta nạn nghiện hút, tiêm chích, buôn lậu ma túy và CGN đang có chiều hướng gia tăng.

- Tệ nạn này đang len lỏi vào HS, SV và gây nên mối lo lắng cho nhà trường, gia đình và xã hội.

- Hiểu biết về ma túy và các ảnh hưởng của ma túy tới con người còn hạn chế.



Tuyên truyền, giáo dục HS được coi là biện pháp có tác động lâu dài, giúp HS có hiểu biết, kỹ năng, thái độ đúng đối với ma túy và CGN.

Câu 2. Xem thông tin phần nội dung để trả lời.

Câu 3. Trách nhiệm của GV trong công tác giáo dục PCMT và CGN:

Là người trực tiếp làm công tác giáo dục HS, GV có trách nhiệm thực hiện mục tiêu giáo dục của Nhà trường, trong đó có GDPCMT và CGN.

Để làm tốt công tác giáo dục PCMT và CGN, GV cần:

- gương mẫu chấp hành các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của địa phương về PCMT.

- Có ý thức tìm tòi, nghiên cứu nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức GDPCMT và CGN để vận dụng vào công tác giáo dục PCMT và CGN trường THCS nơi mình công tác.

- Có ý thức GDPCMT và CGN cho HS thông qua các hoạt động dạy học trên lớp và hoạt động ngoại khóa ở trường THCS.

- Là người kết nối giữa gia đình, nhà trường và xã hội để động viên, nhắc nhở và giáo dục HS, giúp cho các em tránh xa ma túy và các CGN.

Câu 4, 5. Anh (chị) hãy thảo luận với đồng nghiệp và đưa ra phương án trả lời.

Câu 6. Thực hành thiết kế một bài học và xây dựng kế hoạch GDPCMT và CGN trong trường THCS.

- Anh (chị) là giáo viên phụ trách môn nào thì soạn bài tích hợp GDPCMT theo môn học đó.

- Chia nhóm giảng thử và rút kinh nghiệm về mục tiêu, nội dung, phương pháp và mức độ tích hợp.

- Đánh giá chung bài soạn.

# **BÀI 7**

## **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY TRONG TRƯỜNG THCS GIAI ĐOẠN 2010- 2015 ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020**

---

**Số tiết :** 4 (2LT, 2TL)

### **A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

*Sau khi học xong bài này, học viên cần đạt được các mục tiêu sau:*

#### **I. Kiến thức**

- Hiểu được mục tiêu, nội dung và các giải pháp chủ yếu về phòng, chống tệ nạn ma túy; phòng, chống HIV/AIDS trong trường học.

- Thấy được công tác giáo dục phòng, chống tệ nạn ma túy; phòng, chống HIV/AIDS là nhiệm vụ quan trọng của nhà trường, góp phần cùng xã hội và gia đình ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn ma túy và đại dịch HIV/AIDS ra khỏi cộng đồng.

#### **II. Kỹ năng**

- Biết cách xây dựng kế hoạch phòng, chống tệ nạn ma túy; phòng, chống HIV/AIDS tại các đơn vị, trường học.

- Có khả năng chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác phòng chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS tại các đơn vị, trường học.

#### **III. Thái độ**

Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống tệ nạn ma túy; phòng, chống HIV/AIDS tại các đơn vị, trường học.

### **B. CÁC PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ DẠY VÀ HỌC**

Kế hoạch Phòng, chống ma túy; HIV/AIDS trong trường học giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của Sở GD & ĐT Thanh Hóa, số 1586/KH-SGDĐT, ngày 28 tháng 10 năm 2011.

## **C. NỘI DUNG**

### ***Nội dung chính:***

- Kế hoạch tổng thể của Ngành.
- Thực hành xây dựng kế hoạch của các phòng Giáo dục và Đào tạo.

UBND TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
Số: 1586/KH-SGDĐT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  
Thanh Hoá, ngày 28 tháng 10 năm 2011

## **KẾ HOẠCH**

### **Phòng, chống ma túy; HIV/AIDS trong trường học giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020**

Thực hiện Thông tư số 31/2009/TT-BGDĐT ngày 23/10/2009 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về công tác phòng, chống tệ nạn ma túy tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 của Ban chỉ đạo phòng, chống AIDS, phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm tỉnh Thanh Hoá, Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hoá xây dựng Kế hoạch giáo dục phòng chống ma túy, HIV/AIDS trong trường học giai đoạn 2011- 2015 và định hướng đến năm 2020 với các nội dung sau:

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

1.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của học sinh, sinh viên và cán bộ giáo viên về công tác phòng ngừa, đấu tranh với tệ nạn ma túy, kiên quyết xoá bỏ tệ nạn ma túy trong trường học.

1.2. Tiếp tục kiểm chế, ngăn chặn không để tệ nạn ma túy tái xâm nhập vào trường học, đặc biệt là các trường học thuộc khu vực phức tạp về tệ nạn ma túy.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

1.1. 100% học sinh, sinh viên và cán bộ, giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, giáo dục về tác hại của tệ nạn ma túy và được trang bị kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với tệ nạn ma túy.

1.2. Đối với những trường có người nghiện ma túy thì từng bước làm giảm số người nghiện. Đối với những trường học chưa có người nghiện ma túy hoặc đã xoá bỏ được tình trạng nghiện ma túy thì giữ vững tình hình, không để phát sinh người nghiện mới.

1.3. Phân đầu đến năm 2015 có 100% trường học trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chí “Trường học không có ma túy”, không có học sinh, sinh viên, người học và cán bộ, giáo viên liên quan đến tệ nạn ma túy.

## **II. NỘI DUNG, BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN MA TÚY, PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS TẠI CÁC NHÀ TRƯỜNG**

### **1. Nội dung**

#### **1.1. Công tác tuyên truyền, giáo dục**

1.1.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS, của Đảng, Nhà nước và của Ngành giáo dục, xử lý các hành vi có liên quan đến tệ nạn ma túy và các quy định khác có liên quan.

1.1.2. Nâng cao nhận thức cho người học các khái niệm cơ bản về ma túy, tình hình phát triển, lây lan và tác hại của tệ nạn ma túy; các khái niệm cơ bản về HIV/AIDS tình hình phát triển lây lan và tác hại của đại dịch HIV/AIDS.

1.1.3. Các biện pháp phòng, ngừa lạm dụng ma túy với bản thân, gia đình và xã hội, biện pháp giảm tác hại, điều trị nghiện ma túy bằng thuốc thay thế.

1.1.4. Truyền thông, giáo dục lối sống lành mạnh, kỹ năng ứng xử và hành động kiên quyết không tham gia tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác.

- Không thử và tổ chức sử dụng ma túy dưới mọi hình thức.

- Không mua bán, vận chuyển, tàng trữ ma túy, trồng cây có chứa chất ma túy (thuốc phiện, cần sa, coca,...).

- Không làm nơng trước các biểu hiện của ma túy trong trường học và cộng đồng.

- Không bỏ rơi, kì thị bạn bè, người mắc nghiện ma túy, người nhiễm HIV/AIDS.

1.1.5. Ý thức tự giác khai báo về tình trạng sử dụng, nghiện ma túy và các gương điển hình nỗ lực quyết tâm từ bỏ ma túy.

1.1.6. Ý thức trách nhiệm của người học và cán bộ, nhà giáo trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy, ngăn chặn tệ nạn ma túy xâm nhập vào nhà trường, gia đình và xã hội.

## **1.2. Công tác quản lí**

1.2.1. Các đơn vị, trường học xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, HIV/AIDS cụ thể theo từng năm học.

1.2.2. Ban hành các quy định cụ thể của nhà trường về phòng, chống tệ nạn ma túy, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS. Đưa nội dung quy định về phòng, chống ma túy vào tiêu chí đánh giá thi đua, đánh giá hạnh kiểm, rèn luyện của người học.

1.2.3. Tổ chức khám sức khỏe khi nhập học, khám sức khỏe định kỳ cho người học; kiểm tra, xét nghiệm sử dụng ma túy ngẫu nhiên và xét nghiệm đột xuất khi cần thiết đối với các trường hợp người học có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy.

1.2.4. Tổ chức cho người học ký cam kết không liên quan đến tệ nạn ma túy, có xác nhận phối hợp quản lí của gia đình theo từng năm học.

1.2.5. Mở “Hòm thư cứu bạn”, tiếp nhận, xử lí các thông tin có liên quan đến công tác phòng, chống tệ nạn ma túy của các trường học từ phía người học, cán bộ, nhà giáo và nhân dân.

1.2.6. Lập hồ sơ theo dõi các trường hợp có liên quan đến tệ nạn ma túy; phân công các tổ chức, cá nhân theo dõi, giúp đỡ người học có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tệ nạn ma túy để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời.

1.2.7. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo điều kiện để người học và cán bộ, nhà giáo tham gia thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần, tránh xa tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội.

1.2.8. Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS. Kiên quyết xử lý học sinh, sinh viên, cán bộ, nhà giáo liên quan đến tệ nạn ma túy theo quy định tại Thông tư số 31/2009/TT-BGDĐT, ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **1.3. Công tác phối hợp**

1.3.1. Nhà trường chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là gia đình người học trong công tác giáo dục, quản lý người học phòng, chống tệ nạn ma túy, phòng, chống HIV/AIDS.

1.3.2. Nhà trường phối hợp với công an và các cơ quan chức năng của địa phương kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất nơi ở ngoại trú, ký túc xá của người học; kiến nghị với chính quyền địa phương kiểm tra, giải tỏa các hàng quán, tụ điểm có biểu hiện phức tạp liên quan đến tệ nạn ma túy, tệ nạn xã hội ở khu vực xung quanh trường học, ký túc xá, khu vực có đông người học ở ngoại trú.

1.3.3. Nhà trường phối hợp với các cơ quan y tế, chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết để phát hiện người học, cán bộ, nhà giáo sử dụng trái phép chất ma túy.

1.3.4. Xây dựng, củng cố mô hình phối hợp giữa nhà trường- chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và gia đình trong công tác quản lý học sinh nội, ngoại trú về phòng, chống ma túy.

- Tổ chức đánh giá, rà soát, ký cam kết các kế hoạch liên ngành mới giữa Giáo dục và Đào tạo với Công an, Đoàn thanh niên và Phụ nữ.

- Xây dựng, nhân rộng mô hình phối hợp giữa nhà trường, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và gia đình trong quản lý học sinh nội, ngoại trú.

## **2. Các biện pháp chủ yếu**

2.1. Nâng cao chất lượng dạy học tích hợp về phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS theo chương trình và kế hoạch dạy học các môn có liên quan; chú trọng tích hợp nội dung chống kỳ thị, phân biệt đối xử với người nghiện ma túy, người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

2.2. Giáo dục tuyên truyền thông qua các hoạt động ngoại khóa:

- Thực hiện chương trình giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với học sinh phổ thông, giáo dục thường xuyên;

- Tổ chức các hoạt động văn nghệ, chiếu phim, giao lưu; các cuộc thi tìm hiểu dưới dạng bài viết hoặc sân khấu hóa, vẽ tranh, áp phích, sáng tác, biểu diễn tiểu phẩm với đề tài phòng, chống tệ nạn ma túy, phòng chống HIV/AIDS;

- Tổ chức tuyên truyền trực tiếp, tuyên truyền trực quan hoặc thông qua các ấn phẩm, phương tiện thông tin;

- Tổ chức cho người học tham gia sinh hoạt câu lạc bộ về phòng, chống tệ nạn ma túy, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS trong nhà trường;

- Tổ chức tuyên truyền thông qua các hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Công đoàn,...

- Các hình thức giáo dục, tuyên truyền khác.

2.3. Lồng ghép nội dung phòng, chống ma túy với phòng, chống HIV/AIDS và các hoạt động của các phong trào thi đua của Ngành như: *Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực* và các hoạt động khác có liên quan như: giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống.

2.4. Thực hiện các biện pháp dự phòng toàn diện lây nhiễm HIV trong các cơ sở giáo dục. Thực hiện nghiêm túc các quy định về chống kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV được quy định cụ thể tại Luật phòng, chống HIV/AIDS.

Tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ về giáo dục đối với trẻ em mồ côi, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS (OVC) tại các nhà trường.

2.5. Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về phòng chống ma túy, phòng, chống HIV/AIDS cho cán bộ, giáo viên cốt cán của các nhà trường.

a) Bồi dưỡng giáo viên giảng dạy tích hợp nội dung phòng chống ma túy, HIV/AIDS trong chương trình chính khóa.

b) Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ phòng chống ma túy, HIV/AIDS và phương thức tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho cán bộ làm công tác học sinh, sinh viên, cán bộ Đoàn và giáo viên cốt cán.

2.6. Tích cực tham gia Dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tăng cường năng lực phòng chống ma túy trong trường học tại các khu vực phức tạp về tệ nạn ma túy, giai đoạn 2011- 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

Tỉnh Thanh Hóa là một trong 5 tỉnh khu vực Bắc miền Trung thuộc địa bàn triển khai Dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dự kiến những trường được tham gia Dự án: 20 (15 trường THPT, 05 TTGDTX).

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Dựa trên Kế hoạch giáo dục phòng, chống ma túy; HIV/AIDS giai đoạn 2011- 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cần xây dựng chương trình hoạt động cụ thể đối với từng năm học, sát với thực tiễn của từng địa phương.

2. Lấy tuyên truyền, giáo dục chủ động phòng ngừa, cảm hóa đối tượng là giải pháp cơ bản, công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội là chủ lực tấn công loại trừ ma túy, không để cho ma túy xâm nhập, lây lan trong trường học. Quyết tâm xây dựng nhà trường không có ma túy.

3. Kết hợp chặt chẽ nội dung giáo dục phòng, chống tệ nạn ma túy với các nội dung giáo dục phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác.

4. Các nhà trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chế độ thống kê, báo cáo về công tác phòng, chống tệ nạn ma túy theo quy định và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.



- Nơi nhận:**
- Các PGDĐT, THPT, các đơn vị TT (để thực hiện);
  - Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
  - Ban Chỉ đạo tỉnh (để báo cáo);
  - Ban Giám đốc;
  - Các phòng, ban Cơ quan Sở;
  - Lưu: VT, GDTrH.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
(Đã ký)  
Hoàng Tiến Hiện**

#### **D. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. Phân biệt mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của Kế hoạch phòng, chống ma túy; phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2011- 2015.
2. Trình bày nội dung và các giải pháp chủ yếu của Kế hoạch phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS trong trường học giai đoạn 2011-2015.
3. Xây dựng kế hoạch phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS cho từng năm học.

#### **THÔNG TIN PHẢN HỒI CHO CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. Anh (chị) xem thông tin phần nội dung để trả lời.
2. Anh (chị) xem thông tin phần nội dung để trả lời.
3. Anh (chị) xem thông tin phần nội dung vận dụng trong thực tiễn giảng dạy và địa phương nơi anh (chị) công tác để xây dựng kế hoạch phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS cho từng năm học.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hỏi – đáp về vấn đề ma túy trong trường học. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban chỉ đạo phòng, chống AIDS, ma túy và TNXH, năm 2009.
2. Kỷ yếu tổng kết công tác tổ chức phòng chống ma túy trong trường học giai đoạn 2006- 2010. Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2010.
3. Giáo dục phòng chống ma túy và chất gây nghiện trong trường THCS. Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2006.
4. Luật phòng, chống ma túy; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy.
5. Thông tư 31/2009/TT- BGDĐT ngày 23/10/2009 Ban hành Quy định về công tác phòng, chống tệ nạn ma túy tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2013 về công tác phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống ma túy, mại dâm của Ban chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng chống ma túy, mại dâm tỉnh Thanh Hóa.

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY**

**DANH MỤC I**

- Các chất ma túy rất độc, tuyệt đối cấm sử dụng trong lĩnh vực y tế, việc sử dụng các chất này trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học và điều tra tội phạm theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền (có trong Bảng IV Công ước của Liên hợp quốc năm 1961 và Bảng I Công ước của Liên hợp quốc năm 1971).

- Ban hành kèm theo Nghị định số 67/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ.

<b>TT</b>	<b>Tên chất</b>	<b>Tên khoa học</b>
1	Acetorphin	3-O-acetyltetrahydro - 7 - $\alpha$ - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - endoetheno - oripavine
2	Acetylalphamethylfenanyl	N- [1 - ( $\alpha$ - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide
3	Alphacetylmethadol	$\alpha$ - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane
4	Alphamethylfentanyl	N- [1 - ( $\alpha$ - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide
5	Beta - hydroxyfentanyl	N- [1 - ( $\beta$ - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide
6	Beta - hydroxymethyl - 3 - fentanyl	N- [1 - ( $\beta$ - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide
7	Cần sa và nhựa cần sa	Cananabis and canabis resin
8	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphin
9	Etorphine	Tetrahydro - 7 $\alpha$ - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - endoetheno - oripavine
10	Heroine	Diacetylmorphine
11	Ketobemidone	4 - meta - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine
12	Methyl - 3 - fentanyl	N- (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide
13	Methyl - 3 - thiofentanyl	N- [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide
14	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)
15	Para - fluorofentanyl	4 - fluoro - N - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl)

		propionanilide
16	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidionyl acetate (ester)
17	Thiofentanyl	N - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide
18	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine
19	Cathinone	(-) - $\alpha$ - aminopropiophenone
20	DET	N, N - diethyltryptamine
21	DME	(+) - 2,5 - dimethoxy - $\alpha$ - methylphenylethylamine
22	DMHP	3 - (1,2 - dimethylthetyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6H - dibenzo [b,d]
23	DMT	N, N - dimethyltryptamine
24	DOET	(+) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - $\alpha$ - phenethylamine
25	Eticyclidine	N- ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine
26	Etryptamine*	3 - (2 - aminobutyl) indole
27	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - N, N - diethyl - 6 - methylergoline - 8 bectacarboxamide
28	MDMA	(+) - N - $\alpha$ - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine
29	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine
30	Methcathinone*	2 (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one
31	4 - Methylaminorex	(+) - cis - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline
32	MMDA	(+) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - $\alpha$ - methylphenylethylamine
33	N-ethyl MDA	(+) N- ethyl - $\alpha$ methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine
34	N - hydroxy MDA	(+) - N - [ $\alpha$ - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6H - dibenzo [b,d] pyran - 1 - ol
36	PMA	p - methoxy - $\alpha$ - methylphenylethylamine
37	Psilocine, Psilocin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol
38	Psilocybine	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - yl dihydrogenphosphat
39	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine
40	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - $\alpha$ - 4 - dimethylphenethylamine
41	Tenamfetamine (MDA)	$\alpha$ - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine

42	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine
43	Tetrahydrocannabinol	1 - hydroxy - 3 - pentyl - 6a, 7, 10, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6H - dibenzo [b,d] pyran - 1 - ol
44	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - $\alpha$ - methylphenylethylamine
45	MORPHIN METHOBROMID và các chất dẫn xuất của morphine nitroger pentavalent khác	
46	Acetyldihydrocodeine	
47	SECBUTABARBITAL	5 - Sec - butyl - 5 - ethylbarbituric acid

## DANH MỤC II

- Các chất ma túy độc hại, được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo yêu cầu điều trị (có trong Bảng I, Bảng II Công ước của Liên hợp quốc năm 1961 và Bảng II Công ước của Liên hợp quốc năm 1971).

- Ban hành kèm theo Nghị định số 67/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ.

TT	Tên chất	Tên khoa học
48	Acetylmethadol	3-acetoxy-6-dimethylamino-4,4-diphenylheptane
49	Alfentanyl	N-[1-[2-(4-ethyl 4,5-dihydro5-oxo-1H-tetrazol - 1 - y) ethyl] - 4 - (methoxymethyl) - 4 - piperidyl] - N - phenylpropanamide
50	Allylprodine	3 - allyl - 1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - propionoxypiperidine
51	Alphameprodine	- 3 - ethyl - 1 - methyl - 4 - 4 - phenyl - 4 - propionoxypiperidine
52	Alphamethadol	$\alpha$ - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenyl - 3 - heptanol
53	Alphamethylthiofenianyl	N - [1 - [1 - methyl - 2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide
54	Alphaprodine	$\alpha$ - 1,3 - dimethyl - 4 - phenyl - 4 - propionoxypiperidine
55	Anileridine	1 - para - aminophenethyl - 4 - phenylpiperidine - 4 - cacboxylic acid ethyl

		ester
56	Benzenthidine	1 - (2 - benxyloxyethyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - cacboxylic acid ethyl ester
57	Benzylmorphine	3 - benzylmorphine
58	Bectacetylmethadine	b - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane
59	Betameprodine	b - 3 - ethyl - 1 - methyl - propionoxypiperidine
60	Betamethadol	b - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenyl - 3 - heptanol
61	Betaprodine	b - 1,3 - dimethyl - 4 - phenyl - 4 - propionoxypiperidine
62	Bezitramide	1 - (3 - cyano - 3,3 - diphenylpropyl) - 4 - (2 - oxo - 3 - propionyl - 1 - benzimidazoliny) - piperidine
63	Clonitrazene	(2 - para - chlobenzyl) - 1 - diethylaminoethyl - 5 - nitrobenzimidazole
64	Coca leaf (lá Coca)	
65	Cocaine	Benzoyl - 1 - ecgoninmethyloxime
66	Codoxim	Dihydrocodeinone - 6 - cacboxymethyloxime
67	Concentrate of poppy straw (Cao đẳng thuốc phiện)	
68	Dextromoramide	(+) - 4 [2 - methyl - 4 - oxo - 3,3 - diphenyl - 4 (1 - pyrrolidinyl) butyl] morpholine
69	Diampromide	N - [2 - (methylphenethylamino) - propyl] propionalinide
70	Diethylthiambutene	3 - diethylamino - 1,1 - di (2 - thienyl) - 1 - butene
71	Dienoxin	1 - (3 - cyano - 3,3 - diphenylpropyl) - 4 - phenylisonipectic acid
72	Dihydromorphine	7,8 - dihydromorphine
73	Dimenoxadol	2 - dimethylamino - 1 - ethoxy - 1,1 - diphenylacetate
74	Dimepheptanol	6 - dimethylamino - 4,4 - diphenyl - 3 - heptanol
75	Dimethylthiambutene	3 - dimethylamino - 1,1 - di - (2 - thienyl) - 1 - butene
76	Dioxaphetyl butyrate	Ethyl - 4 - morpholino - 2,2 - diphenylbutyrate
77	Diphenoxylate	1 - (3 - cyano - 3,3 - diphenylpropyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester

78	Dipipanone	4,4 - diphenyl - 6 - piperidine - 3 - heptanone
79	Drotebanol	3,4 - dimethoxy - 17 methylmorphinan - 6 $\beta$ , 14 - diol
80	Ecgonine và các dẫn chất của nó	(-) - 3 - hydroxytropane - 2 - carboxylate
81	Ethylmethylthiambutene	3 - ethylmethylamino - 1,1 - di - (2 - thienyl) - 1 - butene
82	Etonitazene	1 - diethylaminoethyl - 2 para - ethoxybenzyl - 5 - nitrobenzimidazole
83	Etoxeridine	1 - [2 - (2 - hydroxymethoxy) - ethyl] - 4 - phenylpiperidine - 4 - cacboxylic acid ethyl ester
84	Fentanyl	1 - phenethyl - 4 - N - propionylanilinopiperidine
85	Furethidine	1 - (2 - tetrahydrofurfuryloxyethyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - cacboxylic acid ethyl ester
86	Hydrocodone	Dihydrocodeinone
87	Hydromorphinol	14 - hydroxydihydromorphine
88	Hydromorphone	Dihydromorphinone
89	Hydroxypethidine	4 - meta - hydroxyphenyl - 1 - methylpiperidine - 4 - cacboxylic acid ethyl ester
90	Isomethadone	6 - dimethylamino - 5 - methyl - 4,4 - diphenyl - 3 - hexanone
91	Levomethorphan	3 - methoxy - N - methylmorphinan
92	Levomoramide	(-) - 4 [2 - methyl - 4 - oxo - 3,3 - diphenyl - 4 (1 - pyrrolidinyl) butyl] morpholine
93	Levophenacymorphan	(-) - 3 - hydroxy - N - phenacymorphinan
94	Levorphanol	(-) - 3 - hydroxy - N - methylmorphinan
95	Metazocine	2 - hydroxy - 2,5,9 - trimethyl - 6,7 - benzomorphan
96	Methadone	6 - dimethylamino - 4,4 - diphenyl - 3 - heptanone
97	Methadone intermediate	4 - cyano - 2 dimethylamino - 4,4 - diphenylbutane
98	Methyldesorphine	6 - methyl - delta - 6 - deoxymorphine
99	Methyldihydromorphine	6 - methyldihydromorphine
100	Metopon	5 - methyldihydromorphione
101	Moramide	2 - methyl - 3 - morpholino - 1,1 - diphenylpropane cacboxylic acid
102	Morpheridine	1 - (2 - morpholinoethyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - cacboxylic acid ethyl ester

103	Morphine	7,8 - dehydro - 4,5 - epoxy - 3,6 - dihydroxy - N - methylmorphinan
104	Morphine - N - oxide	3,6 - dihydroxy - N - methyl - 4,5 - epoxy - morphinen - 7N - oxide
105	Myrophine	Myristybenzylmorphine
106	Nicomorphine	3,6 - dinicotinylmorphine
107	Noracymethadol	(+) - $\alpha$ - 3 acetoxy - 6 - methylamino - 4,4 - diphenyl - heptane
108	Norlevorphanol	(-) - 3 - hydroxymorphinan
109	Normethadone	6 - dimethylamino - 4,4 diphenyl - 3 - hexanone
110	Normorphin	N - demethylmorphine
111	Norpipanone	4,4 - diphenyl - 6 - piperidino - 3 - hexaoe
112	Opium (Thuốc phiện)	
113	Oxycodone	14 - hydroxydihydrocodeinone
114	Oxymorphone	14 - hydroxydihydromorphinone
115	Pethidine	1 - methyl - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester
116	Pethidine intermediate A	4 - cyano - 1 - methyl - 4 - phenylpiperidine
117	Pethidine intermediate B	4 - Phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester
118	Pethidine intermediate C	1 - methyl - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid
119	Phenadoxone	6 - morpholino - 4,4 - diphenyl - 3 - heptanone
120	Phenampramide	N - (1 - methyl - 2 - piperidinoethyl) propionalide
121	Phenazocine	2 - hydroxy - 5,9 - dimethyl - 2 - phenethyl - 6, 7 - benzomorphan
122	Phenomorphin	3 - hydroxy - N - phenethylmorphinan
123	Phenoperidine	1 (3- hydroxy - 3 - phenylpropyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester
124	Piminodine	4 - phenyl - 1 - (3 - phenylaminopropyl) - piperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester
125	Piritramide	1- (3 - cyano - 3,3 - diphenylpropyl) - 4 - (1 - piperidino) - piperidine - 4 - carboxylic acid amide
126	Proheptazin	1,3 - dimethyl - 4 - phenyl - 4 - propionoyazacycloheptane
127	Properidine	1 - methyl - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid isopropyl ester
128	Racemethorphan	(+) - 3 - methoxy - N - methylmorphinan
129	Racemoramide	(+) - 4 - [2 - methyl - 4 - oxo - 3,3 - diphenyl



		- 4 - (1 - pyrrolidiny) butyl] morpholine
130	Racemorphan	(+) - hydroxy - N - methylmorphinan
131	Sulfentanil	N - [4 - (methoxymethyl) - 1 - [ - (thieny)] - 4 - piperidyl] propionanilide]
132	Thebacon	Acetyldihydrocodeinone
133	Thebaine	3,6 - dimethoxy - N - methyl - 4,5 - epoxymorphinadien - 6,8
134	Tilidine	(+) - ethyl - trans - 2 - (dimethylamino) 1 - phenyl - 3 - cyclohexene - 1 carboxylate
135	Trimeperidine	6 - acetoxy - 3 - methoxy - N - 4,5 - epoxy - morphinan
136	Codeine(3-methylmorphine)	6 - hydroxy - 3 - methoxy - N - methyl - 4,5 - epoxy - morphinen - 7
137	Dextroproxypfen	$\alpha$ - (+) - 4 - dimethylamino - 1,2 - diphenyl - 3 - methyl - 2 - butanol propianate
138	Dihydrocodeine	6 - hydroxy - 3 - methoxy - N - methyl - 4,5 - epoxy - morphinan
139	Ethylmorphine	3 - Ethylmorphine
140	Nicocodine	6 - nicotylcodeine
141	Nicodicodine	6 - nicotinyldihydrocodeine
142	Norcodeine	N - demethylcodeine
143	Pholcodine	3 - morphonilyethylmorphine
144	Pripram	N - (1 - methyl - 2 - piperidinoethyl) - N2 - pyridylproionamide
145	Amphetamine	(+) - 2 - amino - 1 - phenylpropane
146	Dexamphetamine	(+) - 2 - amino - 1 - phenylpropane
147	Fenetylline	7 - [2 - i ( $\alpha$ - methylphenylethyl) aminol ethyl] thiophenylline
148	Levamphetamine	(-) - d - ( - methylphenylethylamine
149	Levomethamphetamine	(-) - N - $\alpha$ - methylphenylethylamine
150	Mecloqualone	3 - (o - chlorophenyl) - 2 - methyl - 4 - (3H) - quinazolinone
151	Metamfetamine	(+) - (s) - N - $\alpha$ - dimethylphenethylamine
152	Metamfetamine racemate	(+) - N, $\alpha$ - dimethylphenethylamine
153	Methaqualone	2 - methyl - 3 - o - tolyl - 4 - (3H) - quinazolinone
154	Methylphenidate	Methyl - a - phenyl - 2 - piperidineacetate
155	Phencyclidine	1 - (2 - phenylcyclohexyl) piperidine
156	Phenmetrazine	3 - methyl - 2 - phenylmorpholine
157	Secobarbital	5 - ally - 5 - (1 - methylbutyl) barbituric acid
158	Delta-9-tetrahydrocannabinol and its stereochemical	(6aR, 10aR) - 6a, 7, 8, 10a - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6H - dibenzo [b,d] pyran - 1 - ol

159	Zipeprol*	$\alpha$ - ( $\alpha$ - methoxybenzyl) - 4 - ( $\beta$ - methoxyphenethyl) - 1 - piperazineethano
-----	-----------	---

### DANH MỤC III

Các chất ma túy độc được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo yêu cầu điều trị (có trong Bảng III và Bảng IV Công ước của Liên hợp quốc năm 1971).

- Ban hành kèm theo Nghị định số 67/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ.

TT	Tên chất	Tên khoa học
160	Amobarbital	5 - ethyl - 5 - isopentylbarbituric acid
161	Buprenorphine	21 - cyclopropyl - 7 - $\alpha$ - [(s) - 1 - hydroxy - 12,2 - trimethylpropyl] - 6,14 - endo - ethano - 6,7,8,14 - tetrahydrooripavine
162	Butabital	5 - alyl - 5 - isobutylbarbituric acid
163	Cathine	(+) - đ - $\alpha$ - [(R) - 1 - aminoethyl] benzyl alcohol
164	Cyclobarbital	5 - (1 - cyclohexen - 1 - y) - 5 - ethylbarbituric acid
165	Flunitrazepam**	5 - (o - fluoropheny) - 1,3 - dihydro - 1 - methyl - 7 - nitro - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
166	Glutethimide	2 - ethyl - 2 - phenylglutarimide
167	Petazocine	(2R*, 6R*, 11*) - 1,2,3,4,5,6 - hexahydro - 6,11 - dimethyl - 3 - (3 - methyl - 2 - butenyl) - 2,6 - methano - 3 benzazsocin - 8 - ol
168	Pentobarbital	5 - ethyl - 5 - (1 - methylbutyl) barbituric acid
169	Allobarbital	5,5 - diallylbarbituric acid
170	Alprazolam	8 - chloro - 1 - methyl - 6 - phenyl - 4H - s - triazolo [4,3 - a] [1,4] - benzodiazepine
171	Amphetamine	2 - (diethylamino) propiophenone
172	Aminorex	2 - amino - 5 - phenyl - 2 - oxazoline
173	Barbital	5,5 - diethylbarbituric acid
174	Benzfetamine	N - benzyl - N - $\alpha$ - dimethylphethylamine
175	Bromazepam	7 - bromo - 1,3 - dihydro - 5 - (2 - pyridyl) - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
176	Butobarbital	5 - butyl - 5 - ethylbarbituric acid
177	Camazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 3 - hydroxy - 1 - methyl - 5 - phenyl - 2H - 1,4 benzodiazepin - 2 - one dimethylcarbamate (ester)

178	Chlordiazepoxide	7 - chloro - 2 (methylamino) - 5 - phenyl - 3H - 1,4 - benzodiazepin - 4 - oxide
179	Clobazam	7 - chloro - 1 - methyl - 5 - phenyl - 1H - 1,5 - benzodiazepine - 2,4 - (3H, 5H) - dione
180	Clonazepam	5 - (o- chlorophenyl) - 1,3 - nitro - 2H - 1,4 - benzodiazepine - 2 - one
181	Clorazepate	7 - chloro - 2,3 - dihydro - 2 - oxo - 5 - phenyl - 1H - 1,4 - benzodiazepin - 3 - carboxylic acid
182	Clotiazepam	5 - (2 - chlorophenyl) - 7 - ethyl - 1,3 - dihydro - 1 - methyl - 2H - thieno [2,3,e] - 1 - 4 - diazepin - 2 - one
183	Cloxazolam	10 - chloro - 11b - (o - chlorophenyl) - 2,3,7,11b - tetrahydrooxazolone - [3,2-d] - [1,4] benzodiazepin - 6(5H) - one
184	Delorazepam	7 - chloro - 5 - (o-chlorophenyl) - 1,3 - dihydro - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
185	Diazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 1 - methyl - 5 - phenyl - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
186	Estazolam	8-chloro - 6 - phenyl - 4H - s - triazolo - [4,3 - a] [1,4 - benzodiazepin
187	Ethchlorynol	1 - chloro-3 - ethyl - 1 - penten - 4yn - 3 - ol
188	Ethinamate	1 - ethynylcyclohexanolcarbamate
189	Ethylflazepate	Ethyl - 7 - chloro - 5 - (o - fluorophenyl) - 2 - 3 - dihydro - 2 - oxo - 1H - 1,4 - benzodiazepine - 3 - carboxylate
190	Etilamfetamine	N-ethyl - $\alpha$ - methylphenylethylamine
191	Fencamfamin	N-ethyl - 3 - phenyl - 2 - norbornanamine
192	Fenpoporex	(+) - 3 - [( $\alpha$ - methylphenylethyl) amino] proionitrile
193	Fludiazepam	7 - chloro - 5 - (o - fluorofenyl) - 1,3 - dihydro - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
194	Flurazepam	7 - chloro - 1 - [2 - (diethylamino) ethyl] - 5 - fluorophenyl) - 1,2 - dihydro - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
195	Halazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 5 - phenyl - 1 - (2,2,2 - trifluoroethyl) - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
196	Haloxazolam	10 - bromo - 11b - (o - fluorophenyl) - 2,3,7,11b - tetrahydrooxazolo [3,2 - d] [1,4] benzodiazepin - 6 - (5H) - one
197	Ketasolam	11 - chloro - 8 - 12b - dihydro - 2,8 - dimethyl - 12b - phenyl - 4H - [1,3] - oxazino [3,2 - d] [1,4] benzodiazepin - 4,7 (6H) - dione
198	Lefetamine	(-) - N,N - dimehyl - 1,3 - diphenylethylamine
199	Loprazolam	6 - (o - chlorophenyl) - 2,4 - dihydro - 2 [(4-

		methyl - 1 - [iperaziniyl) methylene] 8 - nitro - 1 - H - imidazo - [1,2 - a] [1,4] benzodiazepin - 1 - one
200	Loprazepam	7 - chloro - 5 - (o - chlorofenyl) - 1,3 - dihydro - 3 - hydroxy - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
201	Lometazepam	7 - chloro - 5 - (o - chlorofenyl) - 1,3 - dihydro - 3 - hydroxy - 1 - methyl - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
202	Mazindol	5 - (p-chlorophenyl) - 2,5 dihydro - 3H - imidazo - (2,1 - a) isoindol - 5 - ol
203	Medazepam	7 - chloro - 2,3 - dihydro - 1 - methyl - 5 - phenyl - 1H - 1,4 - benzodiazepam
204	Mefenorex	N-(3 - chloropropyl) - $\alpha$ - methylphenethylamine
205	Meproamate	2 - methyl - 2 - propyl - 1,3 - propanediol dicarbamate
206	Mesocarb*	3 - ( $\alpha$ - methylphenethyl) - N - (phenylcarbamoil) sydnoneimine
207	Methylphenobarbital	5 - ethyl - 1 - methyl - 5 - phenylbarbituric acid
208	Methylprylon	3,3 - diethyl - 5 - methyl - 2,4 - piperidine - dione
209	Midasolam	8 - chloro - 6 - (o - fluorophenyl) - 1 - methyl - 4H - imidazo - [1,5 - a] [1,4] - benzodiazepin
210	Nimetazepam	1,3 - dihydro - 1 - methyl - 7 - nitro - 5 - phenyl - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
211	Nitrazepam	1,3 - dihydro - 7 - nitro - 5 phenyl - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
212	Nordazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 5 - phenyl - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
213	Oxazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 3 - hydroxy - 5 - phenyl - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
214	Oxazolam	10 - chloro - 2,3,7,11b - tetrahydro - 2 - methyl - 11b - phenyloxazolo [3,2 d] [1,4] benzodiazepin - 6(5H) - one
215	Pemoline	2 - amino - 5 - phenyl - 2 - oxazolin - 4 - one
216	Phendimetrazine	(+) - (2S,3S) - 3,4 - dimethyl - 2 - phenylmorpholine
217	Phenobarbital	5 - ethyl - 5 - phenylbarbituric acid
218	Phenetrmine	$\alpha$ - $\alpha$ - dimethylphenethylamine
219	Pinazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 5 - phenyl - 1 - (2 - propynyl) - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
220	Pipardrol	1 - 1 - diphenyl - 1 - (2 - piperidyl) - methanol
221	Prazepam	7 - chloro - 1 - (cyclopropylmethyl) - 1,3 - dihydro - 5 - phenyl - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
222	Pyrovalerone	4 - methyl - 2 - (1 - pyrrolidinyl) valerophenone

223	Pyrovalerone	5 - sec - butyl - 5 - ethylbarbituric acid
224	Temazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 3 - dihydro - 3 - hydroxy - 1 - methyl - 5 - phenyl - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
225	Tetrazepam	7 - chloro - 5 - (1 - cyclohexen - 1 yl) - 1,3 - dihydro - 1 methyl - 2H - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one
226	Triazolam	8 - chloro - 6 - (o - chlorophenyl) - 1 - methyl - 4H s - triazolo [4,3 - a] [1,4] benzodiazepine
227	Vinylbutal	5 - (1 - methylbutyl) - 5 - vinylbarbituric acid

#### DANH MỤC IV

- Các hoá chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất, điều chế chất ma tuý (có trong Bảng I, Bảng II Công ước của Liên hợp quốc năm 1988).

- Ban hành kèm theo Nghị định số 67/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ.

TT	Tên chất	Tên khoa học
228	Ephedrine	1 - phenyl - 2 - methylamino - 1 - propanol
229	Ergometrine	N - (2 - hydroxy - 1 - methylethyl) - D (+) - lysergamide
230	Ergotamine	12' - hydroxy - 2' - methyl - 5' - (phenylmethyl) - ergotaman - 3', 6', 18 - ione
231	Lysergic acid	(8b) - 9,10 - Didehydro - 6 - methylergolin - 8 - carboxylic acid
232	1 - phenyl - 2 - propanone	1 - phenyl - 2 - propanone
233	Pseudoephedrin	[S-(R*, R*)] - $\alpha$ - [1(Methylamino) ethyl] benzenmethanol
234	N - acetylanthranilic acid	1 - Acetylamino - 2 - carboxybenzene
235	Isosaprole	1,3 - Benzodioxole - 5 - (1 - propenyl)
236	3,4 - methylenedioxyphenyl - 2 - propanone	3,4 - methylenedioxyphenyl - 2 - propanone
237	Piperonal	1,3 - Benzodioxole, 5 - (carboxaldehyde)
238	Safrole	1,3 - Benzodioxole, 5 - (2 - propenyl)
239	Acetic anhydric	Acetic oxide
240	Acetone*	2 - Propanone
241	Anthranilic acid	2 - Aminobenzoic acid
242	Ethyl ether*	1 - 1 - Oxybisethane

243	Hydrochloric acid***	
244	Methyl ethyl ketone*	2 - Butanone
245	Phenylacetic acid	Benzeneacetic acid
246	Piperidine	Cyclopentimine
247	Potassium permanganate**	
248	Sulfuric acid***	
249	Toluen*	Methyl benzene

\* Dung môi (chất lỏng để hòa tan một hoặc nhiều chất rắn mà không có sự thay đổi về thành phần hóa học và không có mặt ở sản phẩm cuối cùng).

\*\* Chất xúc tác (là chất phản ứng hoặc tham gia trong phản ứng, nhưng không có trong thành phần của sản phẩm cuối cùng).

\*\*\* Axit được coi là chất xúc tác